

Số: 12 /2023/CBTT-VNTT

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam

Mã chứng khoán: TTN

Trụ sở chính: 21 VSIP II, đường số 1, KCN Việt Nam – Singapore 2, Phường Hòa Phú,
Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phạm Tuấn Anh Chức vụ: Tổng Giám đốc

Loại công bố thông tin: định kỳ

Điện thoại: (0274).2220222

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty ngày
....19./04/2023 tại đường dẫn: <https://vntt.com.vn/Home/BaoCaoThuongNien>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu
trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Bình Dương, ngày ...19. tháng 04 năm 2023

Người thực hiện công bố thông tin

Tổng Giám đốc



PHẠM TUẤN ANH





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **2022**



VSIP 2, Đường số 1, KCN Việt Nam – Singapore 2,
Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương



(+84) 274.2220222



www.vntt.com.vn



Công ty Cổ phần Công nghệ và
Truyền thông Việt Nam



NHỮNG CON SỐ NỔI BẬT



ĐỐI TÁC TIÊU BIỂU





MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

QUẢN TRỊ CÔNG TY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN 2022



01 THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Hành trình xây dựng thương hiệu

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị, cơ cấu bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các yếu tố rủi ro

Tên Công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM
Tên viết bằng tiếng Anh	VIET NAM TECHNOLOGY & TELECOMMUNICATION JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	VNTT
Mã cổ phiếu	TTN
Vốn điều lệ	367.275.000.000 đồng
Trụ sở chính	VSIP 2, Đường số 1, KCN Việt Nam – Singapore 2, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Giấy chứng nhận ĐKDN	Số 3700861497 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 02/01/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 08/09/2022
Điện thoại	(+84) 274.2220222
Fax	(+84) 274.3635200
Email	cskh@vntt.com.vn
Website	www.vntt.com.vn



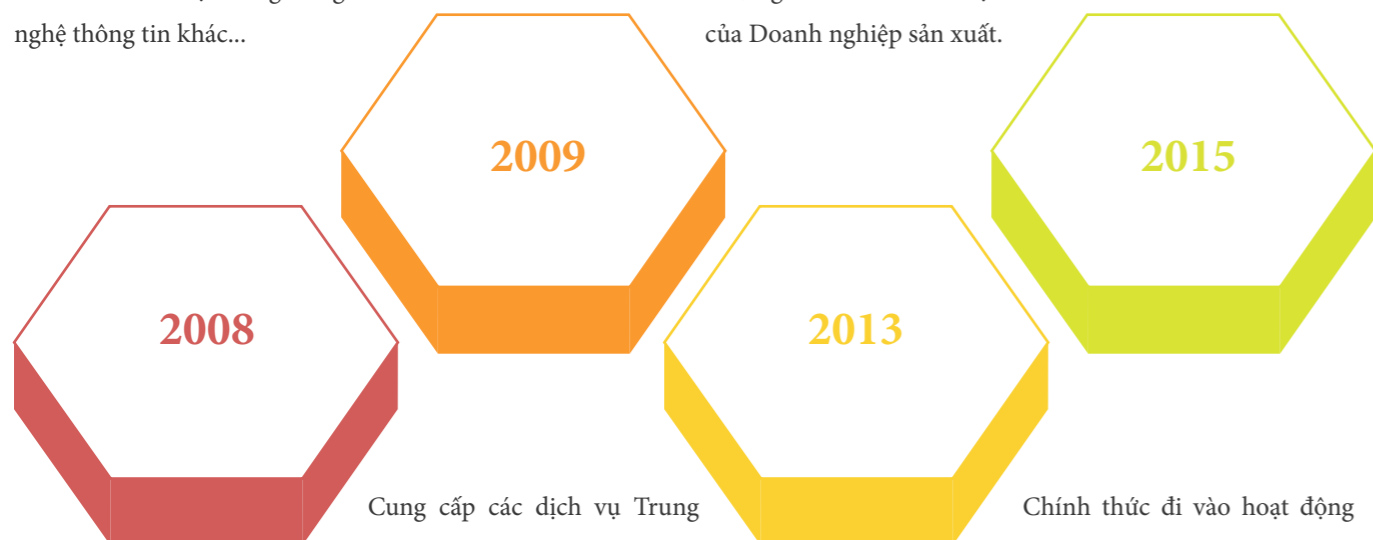
Chính thức cung cấp các dịch vụ viễn thông – Công nghệ thông tin:

Các dịch vụ viễn thông, bao gồm: dịch vụ truy nhập Internet, dịch vụ thoại, dịch vụ kênh truyền dẫn, dịch vụ mạng riêng ảo VPN...

Khảo sát, tư vấn, cung cấp thiết bị và thi công, lắp đặt các công trình hạ tầng mạng viễn thông, hệ thống máy chủ, hệ thống Kiểm soát an ninh, truy nhập vào ra và các hệ thống công nghệ thông tin khác...

Chính thức cung cấp ICT One-stop Shop:

Trên hạ tầng cấp quang hoàn chỉnh và eDatacenter tiêu chuẩn Tier-3, VNTT hợp tác cùng các đối tác Nhật Bản để cung cấp các dịch vụ ICT chất lượng cao đến Doanh nghiệp hoạt động trong các KCN tại Bình Dương. Dưới tên gọi ICT One-stop Shop, các dịch vụ VT-CNTT được chọn lọc và tối ưu để phù hợp nhất với nhu cầu, ngân sách và nhân lực IT của Doanh nghiệp sản xuất.



Cung cấp các dịch vụ Trung tâm dữ liệu:

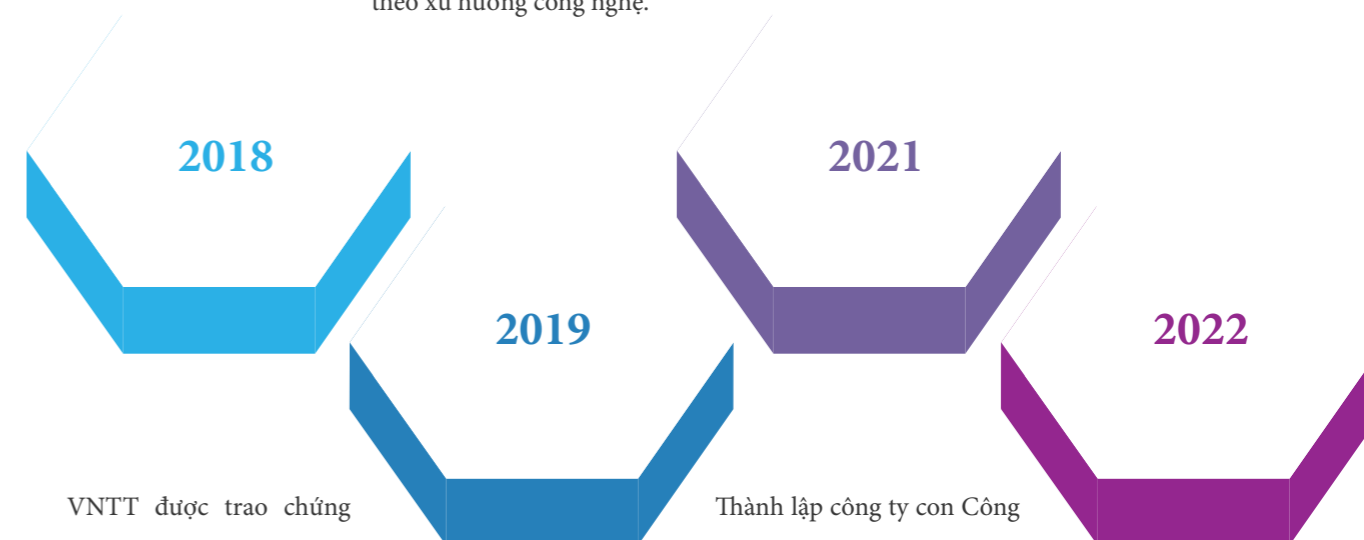
Từ quý 3/2009, VNTT lần lượt giới thiệu đến khách hàng các dịch vụ về Trung tâm dữ liệu, bao gồm: Dịch vụ Colocation, dịch vụ cho thuê máy chủ (Dedicated Server/VPS), dịch vụ Hosting Web/Mail/DNS, dịch vụ Cloud Backup... Các dịch vụ này giúp Doanh nghiệp có được một hạ tầng CNTT đủ năng lực đáp ứng các yêu cầu từ hoạt động sản xuất - kinh doanh, trong khi không tốn chi phí đầu tư và nhân sự quản trị.

Chính thức đi vào hoạt động các ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh mới:

Khảo sát, tư vấn và thi công, lắp đặt các công trình về hệ thống phân phối điện trung thế, hạ thế, hệ thống máy biến áp, máy phát điện; hệ thống điện lạnh, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống chống sét, các hệ thống đèn tín hiệu giao thông, đèn chiếu sáng công cộng...

Chính thức cung cấp dịch vụ phần mềm và chuyển đổi số
Triển khai các phần mềm theo nhu cầu của khách hàng, phát triển các sản phẩm phần mềm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số theo xu hướng công nghệ.

Theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, phát hành thêm 12.242.500 cổ phiếu, tăng vốn điều lệ lên 367.275.000.000 đồng



VNTT được trao chứng nhận TOP 10 Nhà cung cấp dịch vụ Internet, viễn thông hàng đầu Việt Nam và Doanh nghiệp CNTT phát triển nhanh nhất Việt Nam

Thành lập công ty con Công ty Trách nhiệm hữu hạn Giải Pháp VNTT

VNTT được trao chứng nhận TOP 10 Nhà cung cấp dịch vụ Internet, viễn thông hàng đầu Việt Nam và Doanh nghiệp CNTT phát triển nhanh nhất Việt Nam Giải thưởng đã công nhận chuyên môn, củng cố giá trị và kỹ năng thực sự của VNTT trong lĩnh vực viễn thông – công nghệ thông tin.

Tháng 07/2018

VNTT đã ký kết Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Tập đoàn Viễn thông NTT lớn nhất Nhật Bản và đứng thứ 4 trên thế giới, nhằm triển khai dịch vụ Internet cáp quang chất lượng Nhật Bản và các giải pháp cho Thành phố thông minh. Đến nay, ngoài NTT, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) và Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội (Viettel) cũng đều là những đối tác chiến lược của VNTT.

Năm 2018

Mạnh dạn lựa chọn phương án mở rộng thị trường mục tiêu, năm 2019, VNTT đã được Cục Viễn thông cấp phép cung cấp các dịch vụ viễn thông cố định mặt đất trên phạm vi toàn quốc.

Năm 2019

VNTT được vinh danh Top 10 Công ty Công nghệ uy tín 4 năm liên tiếp. Giải thưởng giúp VNTT có cơ hội sánh ngang với các “ông lớn” trong ngành, không những sát cánh cùng họ trên sân khấu nhận giải mà còn cùng nhau hợp tác phát triển các dịch vụ ICT tiêu chuẩn Quốc tế.

Năm 2022

Đây là một chỉ số mạnh mẽ về mức độ đáng tin cậy đối với các khách hàng tiềm năng, củng cố lý do họ sử dụng dịch vụ của VNTT ngay từ đầu, xây dựng lòng tin và lòng trung thành với thương hiệu.

Được vinh danh Top 10 Công ty Công nghệ uy tín

Khi các doanh nghiệp cùng ngành chiếm số lượng lớn

Chiến lược tăng cường chất lượng dịch vụ và giành giải thưởng liên tiếp trong nhiều năm đã chứng tỏ với khách hàng rằng VNTT đang trong nhóm dẫn đầu cuộc chơi. Điều đó giúp VNTT được nhìn nhận theo hướng phát triển bền vững, xây dựng hình ảnh chuyên nghiệp đối với khách hàng mục tiêu, thu hút thêm nhiều khách hàng tiềm năng và đặc biệt là ngày càng có thêm nhiều nhà đầu tư lớn quan tâm tới cổ phiếu của VNTT trên thị trường chứng khoán.

VNTT có những cơ hội tiếp xúc có giá trị để giới thiệu về VNTT trước những lãnh đạo cấp cao có tầm ảnh hưởng lớn, mở ra cơ hội hợp tác với các doanh nghiệp thành công trong nước cũng như Quốc tế. Hợp tác với doanh nghiệp lớn giúp VNTT tối ưu hóa chi phí, tăng cường nhận diện thương hiệu trên thị trường, đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

Tại các lễ trao giải

Chủ động nâng cấp chất lượng sản phẩm

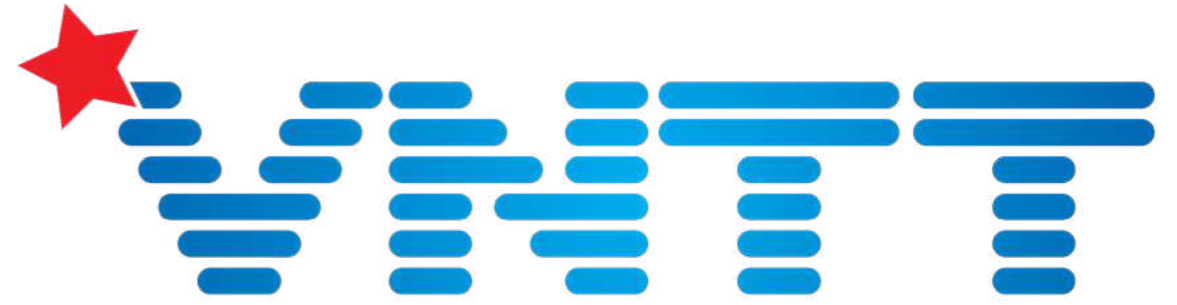
VNTT đã và đang chủ động nâng bằng thông Internet cao hơn mức cam kết với khách hàng; tăng cường đầu tư hạ tầng viễn thông chất lượng Nhật Bản tại các khu công nghiệp, đô thị, sẵn sàng cung cấp dịch vụ cho khách hàng khi có nhu cầu.

VNTT không ngừng nỗ lực cải thiện và nâng cao trải nghiệm khách hàng, hướng đến mục tiêu Chất lượng Nhật Bản; tiếp tục nghiên cứu phát triển dịch vụ giá trị gia tăng để cung cấp sản phẩm đa dịch vụ đến khách hàng, nâng cao trải nghiệm khách hàng.

Nâng cao dịch vụ khách hàng

Phát triển bền vững

Làn sóng chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ, ngành công nghệ thông tin và viễn thông được kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh trong thời gian tới. Trong bối cảnh đó, VNTT quyết tâm nỗ lực không ngừng để tạo dựng niềm tin và lòng trung thành của khách hàng, phát triển thương hiệu, nâng cao vị thế của VNTT trên thị trường.



Thành viên Becamex IDC

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin và tích hợp hệ thống; Khảo sát, tư vấn và thi công, lắp đặt các công trình: viễn thông, công nghệ thông tin và tự động; công trình điện, điện tử, công trình điện lạnh, công trình cấp thoát nước, công trình phòng cháy chữa cháy; Phân phối, đại lý kinh doanh hàng hóa và thiết bị: điện, điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin...

Nghiên cứu và Phát Triển: Các dịch vụ phần mềm như bản quyền phần mềm, văn phòng điện tử, hệ thống thông tin địa lý (GIS), dịch vụ phát triển phần mềm theo yêu cầu...; Các giải pháp thông minh: Trung tâm điều hành thông minh, Bãi đỗ xe thông minh, camera thông minh, Đèn đường thông minh, tòa nhà thông minh...; IOT tích hợp: tích hợp BMS, quản lý năng lượng, Scada...



Viễn thông - Công nghệ Thông tin (ICT)

Dịch vụ Viễn thông, Trung tâm dữ liệu, Network, Hệ thống...



Cơ Điện (M.E.P)

Hệ thống điện, Hệ thống cơ khí, Hệ thống cấp thoát nước...

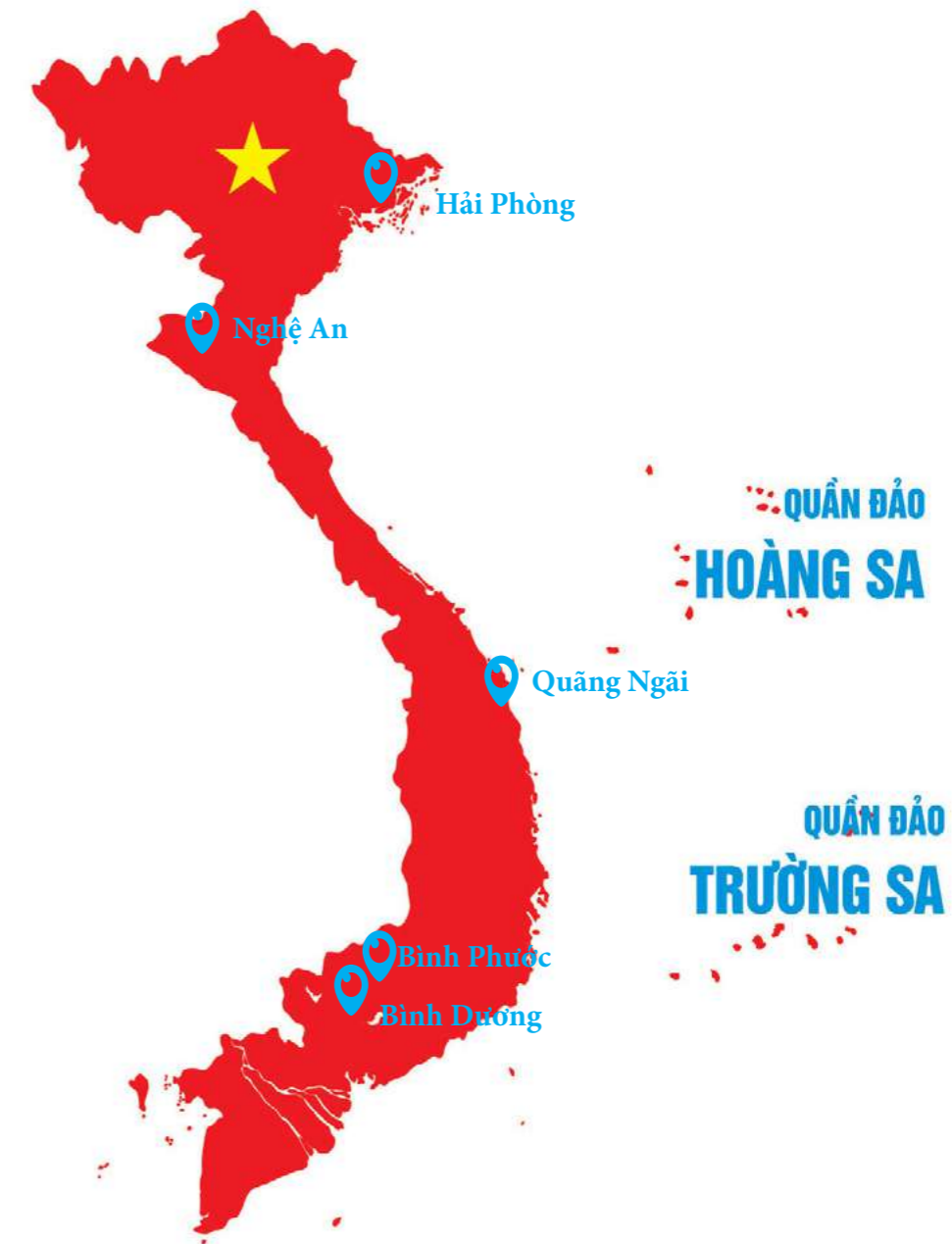


Nghiên cứu và Phát Triển

Phần mềm, Giải pháp thông minh...

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Khách hàng trong các khu công nghiệp, khu đô thị tại tỉnh Bình Dương, Bình Phước, VSIP Quảng Ngãi, VSIP Hải Phòng, VSIP Nghệ An, và các khu công nghiệp ở tỉnh thành khác do Becamex IDC và VSIP đầu tư.



KIM TỰ THÁP DỊCH VỤ

Trên tinh thần sát cánh cùng khách hàng phát triển Toàn diện, Bền vững và Không ngừng đổi mới







Chúng tôi cung cấp các sản phẩm và dịch vụ của mình theo mô hình kim tự tháp, trong đó các dịch vụ cơ bản ở dưới cùng sẽ tạo nền tảng vững chắc để cung cấp cho khách hàng một cơ sở hiện đại, và các giải pháp tiên tiến sẽ giúp họ tiến lên các cấp độ cao hơn, theo xu hướng của ngành công nghệ.

Cụ thể, các dịch vụ Cơ sở hạ tầng MEP tạo ra một môi trường vật lý cho tất cả các thiết bị ICT, bao gồm Nguồn điện, Hệ thống lạnh, PCCC, v.v. Trong môi trường hoạt động an toàn đó, chúng tôi xây dựng hệ thống mạng và máy chủ, cũng như các hệ thống ICT khác cho khách hàng, là nền tảng để triển khai sử dụng phần mềm và các Giải pháp thông minh.

CÁC DỊCH VỤ HẠ TẦNG M.E.P

Được phát triển từ Phòng Cơ - Điện của Tổng Công ty Becamex IDC, bộ phận M&E của VNNT là đội ngũ kỹ sư, chuyên viên kỹ thuật có trình độ cao và kinh nghiệm thi công, lắp đặt các hệ thống điện, điều hòa không khí, cấp - thoát nước và phòng cháy chữa cháy cho các cao ốc văn phòng, chung cư, nhà xưởng, khách sạn, bệnh viện. Chất lượng thi công và tiến độ triển khai là cam kết của chúng tôi cho bất cứ công trình nào

 <p>Hệ thống điện</p> <ul style="list-style-type: none"> Hệ thống phân phối điện trung thế đến 35kV, hạ thế 3 pha 220V – 380V Hệ thống máy biến áp, máy phát điện, tủ phân phối điện... Hệ thống điện chiếu sáng và hệ thống đèn tín hiệu giao thông. Hệ thống chống sét 	 <p>Hệ thống cơ khí</p> <ul style="list-style-type: none"> Hệ thống điều hòa không khí và thông gió 	 <p>Hệ thống Cống bể</p> <ul style="list-style-type: none"> Phục vụ cho dân dụng và công nghiệp
 <p>Hệ thống PCCC</p> <ul style="list-style-type: none"> Hệ thống chữa cháy tự động bằng nước, CO₂ và N₂ 	 <p>Khác</p> <ul style="list-style-type: none"> Vật liệu chống cháy lan, hệ thống quạt tạo áp cầu thang thoát hiểm hút thoát khói cứu nạn 	

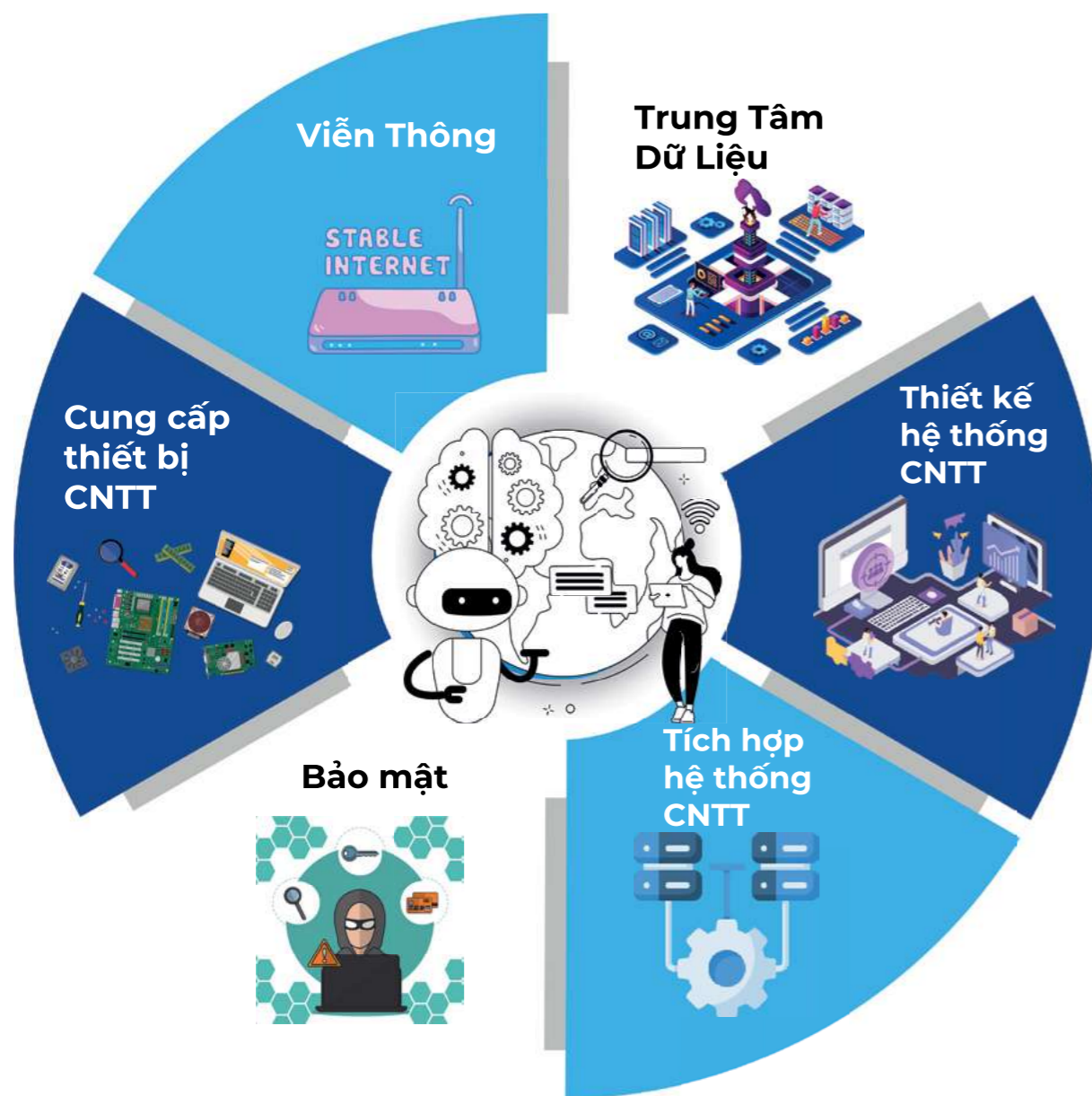
Đối tác tiêu biểu



CÁC DỊCH VỤ HẠ TẦNG CNTT

VNTT đáp ứng toàn diện nhu cầu Viễn thông, Công nghệ thông tin (ICT) cho các doanh nghiệp đang hoạt động tại các KCN của Becamex và VSIP trên cả nước thông qua việc phục vụ tất cả các dịch vụ về Hạ tầng CNTT, kể cả là Dịch vụ Viễn thông và Trung tâm dữ liệu hay Thiết kế, Triển khai mạng, Các dịch vụ Bảo mật, Phòng máy chủ, Dịch vụ tích hợp.

VNTT đã chuẩn hóa quy trình quản lý và cung cấp dịch vụ theo tiêu chuẩn quốc tế, đạt chứng chỉ ISO 9001:2015 và ISO 27001:2013. Ngoài ra, với đội ngũ kỹ sư trình độ cao, VNTT là lựa chọn hàng đầu cho các doanh nghiệp muốn triển khai hạ tầng/giải pháp CNTT, dịch vụ quản trị CNTT chuyên nghiệp và hiệu quả.



DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Chúng tôi triển khai đồng bộ hạ tầng cáp quang trên nền công nghệ GPON tại các KCN ở Bình Dương cũng như các KCN VSIP Hải Phòng, Nghệ An, Quảng Ngãi, Bình Định.

Ngoài đối tượng khách hàng doanh nghiệp, VNTT còn đẩy mạnh trong việc khai thác, đáp ứng nhu cầu khách hàng cá nhân trong các Khu dân cư Bình Dương

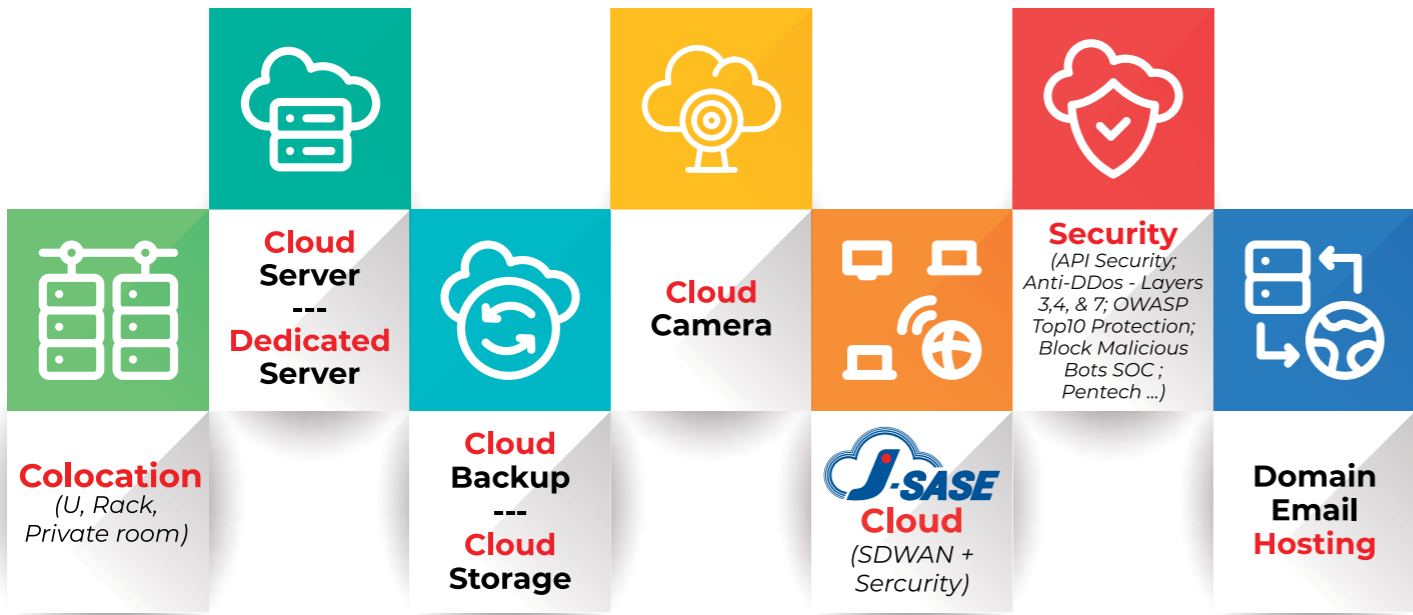
	Internet tốc độ cao cho Doanh nghiệp		Internet tốc độ cao cho Hộ gia đình
	Kênh Truyền Dữ Liệu		Thoại cố định Tổng đài ảo
	Kênh Thuê Riêng		Truyền hình Kỹ thuật Số

Thế mạnh của dịch vụ viễn thông VNTT

Hạ tầng	Triển khai	ISP	Cam kết	Hỗ trợ	Dịch vụ GTGT
Hạ tầng truyền dẫn cáp quang 100%	Khảo sát, lắp đặt và triển khai nhanh chóng	Là ISP trung lập, kết nối với nhiều nhà mạng	Cam kết SLA rõ ràng	Hỗ trợ kỹ thuật nhanh chóng và chuyên nghiệp	Cung cấp các dịch vụ GTGT tại eDatacenter

TRUNG TÂM DỮ LIỆU

VNTT cung cấp dịch vụ Data Center TIA-942/Tier-3 tại trung tâm Thành Phố Mới Bình Dương. Trung tâm dữ liệu của chúng tôi là eDatacenter đã được cấp chứng nhận quản lý an toàn thông tin ISO/IEC 27001. Danh mục dịch vụ bao gồm Thuê vị trí, Máy chủ riêng, Cloud & CDN, Sao lưu dữ liệu... luôn đáp ứng các yêu cầu khắt khe của doanh nghiệp. Nền tảng hiện đại và quy trình vận hành chuẩn hóa cho phép chúng tôi cam kết độ khả dụng lên đến 99,982%.



Trung tâm dữ liệu trong Trung tâm dữ liệu (chỉ có tại VNTT)



Nguồn được cấp từ 2 Nguồn chính & Máy phát dự phòng + UPS. Đảm bảo cấp điện liên tục 72h khi có sự cố 2 nguồn điện lưới cùng lúc



Công nghệ InRow với các hệ thống làm mát được bố trí tối ưu đảm bảo nhiệt độ 220C(+/-1) và độ ẩm 50%(+/-5)

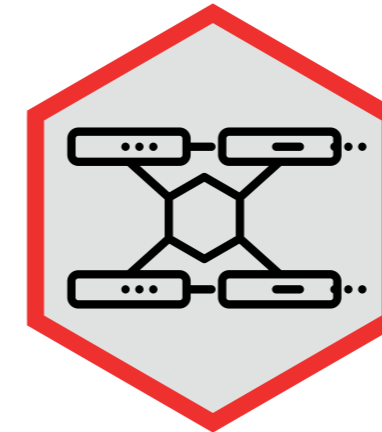


Hệ thống cảm biến, camera quan sát, kiểm soát ra vào kết hợp vân tay và thẻ từ



ISO 9001:2015 & ISO 27001:2013
Top 05 Trung tâm dữ liệu tại Việt Nam
Top 01 Trung tâm dự phòng dữ liệu từ xa tại khu vực Miền Nam

TÍCH HỢP HỆ THỐNG



Khảo sát & Thiết kế

- Thu thập thông tin về nhu cầu, ngân sách, mong đợi
- Thiết kế cấu trúc liên kết mạng, kiến trúc hệ thống và chính sách
- Giải thích với khách hàng để xác nhận



Triển Khai & Tích hợp

- Xây dựng lớp vật lý
- Lắp đặt và cấu hình thiết bị
- Tích hợp thiết bị/hệ thống mới với hệ thống hiện có



Cung cấp thiết bị

Chúng tôi có thể cung cấp tất cả các loại thiết bị ICT & ELV cho khách hàng có hoặc không kèm theo dịch vụ lắp đặt

DỊCH VỤ PHẦN MỀM

Không đứng ngoài xu hướng Chuyển đổi số, VNTT cũng cung cấp cho khách hàng các dịch vụ Phần mềm giúp khách hàng tăng trưởng nhanh hơn và thành công trong quá trình chuyển đổi số



Bản quyền phần mềm

Chúng tôi có thể cung cấp bản quyền các phần mềm của Microsoft, Autocad, Tường lửa, Wi-Fi, Antivirus, v.v. Bên cạnh đó, chúng tôi cung cấp dịch vụ triển khai và hỗ trợ cho tất cả các bản quyền phần mềm được cung cấp.



Văn phòng điện tử BecaWork

Đây là giải pháp được phát triển bởi VNTT Solutions, công ty con của VNTT. Với đầy đủ các tính năng đáp ứng mục tiêu văn phòng không giấy tờ. Phần mềm cũng giúp minh bạch và tự động hóa tất cả các tác vụ trong một dự án hoặc các tác vụ hàng ngày.



GIS

Để phục vụ nhu cầu của các nhà phát triển Đô thị & Khu công nghiệp có nhiều bất động sản và cơ sở vật chất cần quản lý, VNTT Solutions đã xây dựng Nền tảng GIS (Hệ thống thông tin địa lý) giúp các doanh nghiệp số hóa tài sản và triển khai các ứng dụng chuyên biệt phục vụ công tác quản lý.



Phát triển phần mềm

Với các nhà phát triển phần mềm được đào tạo bài bản, chúng tôi cũng có thể thực hiện các dự án cho khách hàng theo hai mô hình: ODC và Dự án giá cố định.

CÁC GIẢI PHÁP THÔNG MINH

TRUNG TÂM ĐIỀU HÀNH THÔNG MINH

Để giúp khách hàng cải thiện cơ sở hạ tầng CNTT của họ và giúp họ dễ dàng sử dụng Dịch vụ tốt nhất



CAMERA THÔNG MINH

Bãi đỗ xe thông minh, Camera giao thông thông minh



ĐÈN ĐƯỜNG THÔNG MINH

Kết nối, Giám sát và Điều khiển hệ thống đèn đường từ xa



IOT TÍCH HỢP

Tích hợp BMS, Quản lý năng lượng, Scada



CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC VNTT

Trung tâm Dịch vụ Viễn thông - Chi nhánh Công ty VNTT: 02, Đường Tiên Phong 3, Khu liên hợp CN-DV-ĐT Bình Dương, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương.

Văn phòng Đại diện tại Nghệ An: 11, Đường 1, Khu công nghiệp VSIP Nghệ An, xã Hưng Tây, Huyện Hưng Nguyên, Nghệ An.

Văn Phòng Đại diện tại Quảng Ngãi: 1A, Đại lộ Hữu Nghị, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, Xã Tịnh Phong, Huyện Sơn Tịnh, Quảng Ngãi.

Văn phòng Đại diện tại Hải Phòng: 03, Đường Bắc Nam Khu Đô Thị, Công nghiệp và Dịch vụ VSIP Hải Phòng, Xã An Lữ, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng.

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT:

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD	VĐL thực góp	Tỷ lệ sở hữu
Công ty con				
Công ty TNHH Giải Pháp VNTT	Số 02, đường Tiên Phong 03, Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ – Đô thị Bình Dương, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Sản xuất phần mềm, công nghệ thông tin, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ, hoạt động tư vấn, lập trình máy vi tính ...	25.000.000.000	100%
Công ty liên kết: Không có				

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

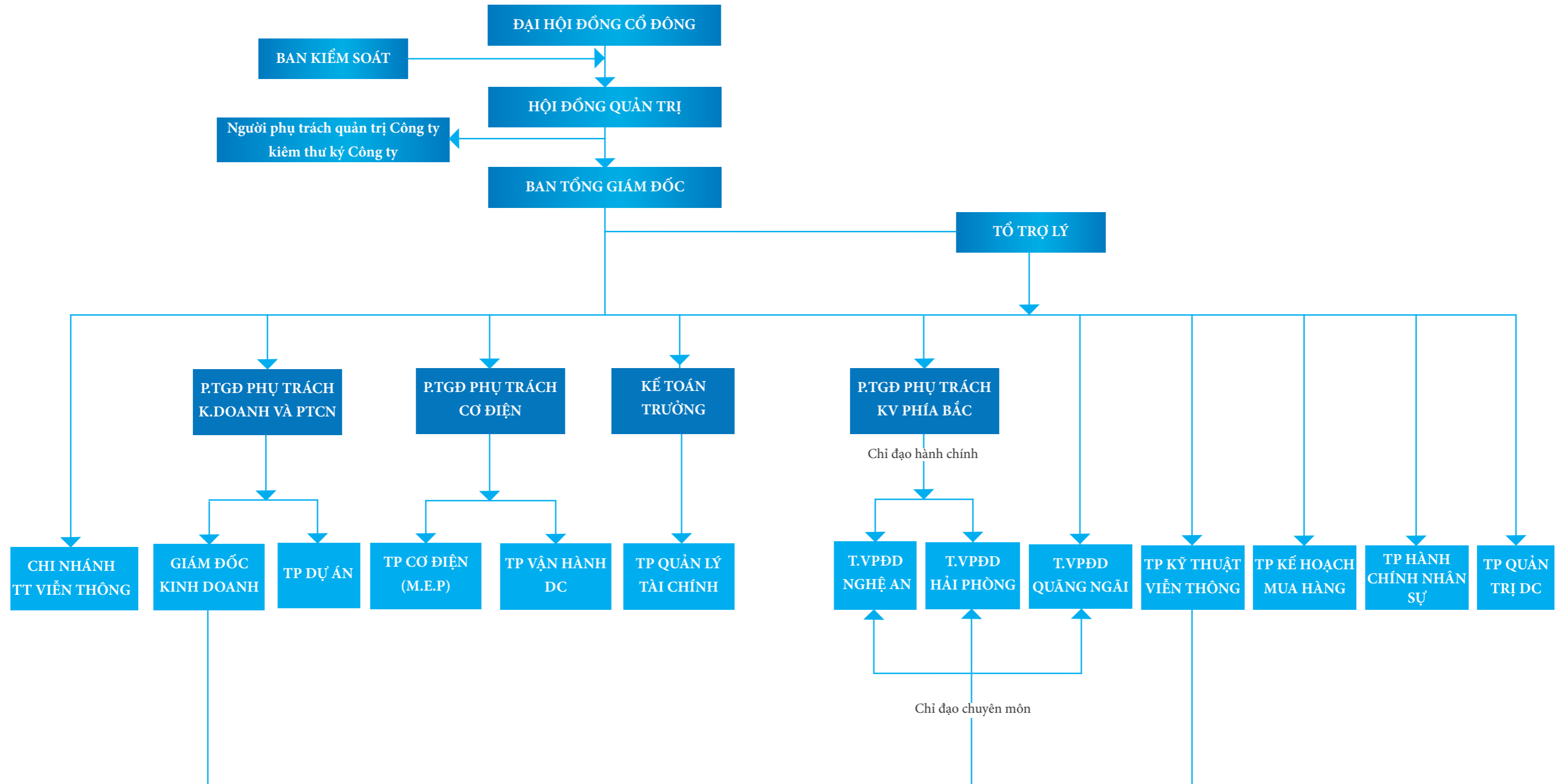
Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ): Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

Hội đồng quản trị (HĐQT): Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, cơ cấu Hội đồng quản trị hiện tại gồm có 5 thành viên.

Ban Kiểm soát: BKS do HĐQT bầu ra có 03 Kiểm soát viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



GIÁ TRỊ CỐT LÕI



VỀ VNNT

Là đơn vị đáp ứng toàn diện và đa dạng các nhu cầu về Viễn thông - Công nghệ thông tin (ICT); Dịch vụ trung tâm dữ liệu với eDatacenter đáp ứng Tiêu chuẩn TIA942/Tier 3 về vị trí địa lý và độ khả dụng 99,982%; Dịch vụ M.E.P cho doanh nghiệp tại thị trường TP.HCM, Bình Dương và tại các Khu công nghiệp do Becamex IDC & VSIP đầu tư trên cả nước. VNNT đã chuẩn hóa quy trình quản lý và cung cấp dịch vụ theo tiêu chuẩn quốc tế, đạt chứng chỉ ISO 9001:2015 và ISO 27001:2013.

Trong thời đại công nghệ 4.0, VNNT đã có những bước phát triển mạnh mẽ mở đầu cho xu hướng chuyển dịch sang lĩnh vực phát triển các giải pháp thông minh, và hiện VNNT đang trong giai đoạn phát triển và triển khai các giải pháp quản lý thông minh trong các khu công nghiệp do Becamex đầu tư trên khắp cả nước. Trong đó phải kể đến như: phần mềm quản lý Trung tâm điều hành thông minh IOC Bình Dương, IOC Becamex; các giải pháp thông minh như: Hệ thống chiếu sáng công cộng thông minh, Bãi đỗ xe thông minh, Quản lý toàn nhà thông minh và nhà máy nước thải thông minh... cùng rất nhiều giải pháp thông minh khác sẽ được VNNT đầu tư làm chủ công nghệ cung cấp tới khách hàng



CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

VNTT luôn hướng tới khách hàng, luôn không ngừng nỗ lực, liên tục đổi mới, làm phong phú các dịch vụ. VNTT tiếp tục mở rộng và nâng cấp hạ tầng mạng viễn thông: Mạng truy nhập hoàn toàn sử dụng công nghệ GPON tiên tiến. Kết nối đường trục dung lượng lớn của VNTT sử dụng công nghệ DWDM. Với nền tảng hạ tầng đồng bộ tại nhiều KCN ở Bình Dương và các KCN VSIP Bắc Ninh, Hải Phòng, Nghệ An, Quảng Ngãi..., cho phép Công ty chúng tôi cung cấp đến khách hàng doanh nghiệp các dịch vụ viễn thông với tính ổn định và tốc độ cao.

Đối với dịch vụ DC, danh mục dịch vụ liên tục mở rộng với hệ thống dự phòng Cloud DR, công cụ backup/restore, giải pháp sao lưu Cloud Backup, gói dịch vụ ICT đa dạng One Stop Shop bao gồm Web Hosting, Mail Hosting, trích xuất dữ liệu, camera giám sát, phần mềm quản lý,... Với mong muốn hiện đại hóa công nghệ, gia tăng tối đa sức mạnh đường truyền, tìm kiếm những giải pháp ngày càng tân tiến để đáp ứng được nhu cầu ngày càng đa dạng và phức tạp của khách hàng là mục tiêu mà VNTT không ngừng nỗ lực để đạt được.

VNTT vẫn luôn tìm kiếm cách thức kinh doanh khác nhau để thích ứng tốt hơn với điều kiện thực tế và nhu cầu của thị trường. Bằng cách mở rộng thị trường và đa dạng hóa đối tượng khách hàng trong và ngoài nước. VNTT mạnh dạn chuyển đổi từ chiến lược kinh doanh đơn lẻ sang kinh doanh dịch vụ kết hợp nhằm tối ưu hóa nguồn lực, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng và mang lại giá trị gia tăng cho các dịch vụ cung cấp. Bằng cách này, VNTT có thể thu hút đối tượng khách hàng sang phạm vi các Tập đoàn lớn. Nâng cao năng lực quản lý tài chính để đảm bảo nền tảng tài chính vững mạnh, chủ động về nguồn vốn đầu tư để hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và phát triển.

Công ty luôn tìm cách nâng cao năng lực quản lý tài chính, chủ động về nguồn vốn đầu tư vì mục tiêu lâu dài đó là đảm bảo nền tài chính vững mạnh, hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và phát triển.

Phát triển đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực quản lý, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, góp phần vào công cuộc đổi mới của tỉnh, đồng thời giải quyết vấn đề việc làm, nâng cao thu nhập và các chế độ phúc lợi cho người lao động.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Cải thiện quy trình làm việc trên cơ sở các ngành kinh doanh hiện có và thêm các dịch vụ giá trị gia tăng cho các dịch vụ hiện có. Triển khai các dịch vụ mới:

- Phát triển phần mềm và các dịch vụ liên quan tới phần mềm (ITO/ITMS/AMS).
- Triển khai dịch vụ tư vấn giải pháp doanh nghiệp, cung cấp dịch vụ giám sát triển khai các giải pháp.
- Nghiên cứu và phát triển các ứng dụng và dịch vụ gia tăng cho hệ sinh thái của Becamex.

Trở thành một trong những công ty công nghệ uy tín bậc nhất tại Việt Nam cũng cấp các giải pháp và ứng dụng được đồng đảo người tin dùng.

Phát triển các dịch vụ và giải pháp của VNTT ra bên ngoài hệ sinh thái của Becamex mà đối tượng khách hàng chủ yếu là khách hàng của tập đoàn Becamex trong các khu công nghiệp. VNTT sẽ mang đến các dịch vụ có giá trị gia tăng để giúp khách hàng của Becamex chuyển đổi số và quản trị tốt hơn.

VNTT mong muốn trở thành một công ty toàn cầu đưa các giải pháp và dịch vụ của mình ra nước ngoài: Nhật Bản, Singapore và Hàn Quốc là những mục tiêu tiếp theo.

VNTT và NTTe-Asia cùng nhau xây dựng mạng Internet theo chất lượng Nhật Bản nhằm nâng cao dịch vụ băng thông Internet, phát triển dịch vụ mạng Wifi đám mây, góp phần phát triển hạ tầng công nghệ thông tin tại Thành phố mới thông minh tại Bình Dương. Cụ thể, cùng với NTTe-Asia mang dịch vụ mạng Wifi đám mây đến với các tòa chung cư, các tòa nhà văn phòng cũng như các doanh nghiệp, các trung tâm thương mại nhằm tạo môi trường băng thông có tốc độ cao và hoạt động thông suốt.

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Công ty tuân thủ nghiêm chỉnh và làm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Sử dụng nguồn nước cũng như năng lượng điện ở mức vừa phải.

Công ty luôn cố gắng nỗ lực để đảm bảo lợi ích cho cổ đông, người lao động và khách hàng, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, tạo công ăn việc làm cũng như thu nhập cho người lao động.

Công ty chăm lo đầy đủ các chính sách cho người lao động về an toàn lao động, an toàn sức khỏe cũng như trả lương đúng kỳ, đúng hạn và chưa để xảy ra bất cứ tai nạn lao động nào.

Hàng năm, Công ty tổ chức thăm và tặng quà cho những hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn vào dịp tết nguyên đán và cho các em nhỏ vào dịp tết trung thu.

Công ty luôn hướng đến cộng đồng người lao động, an sinh xã hội, đóng góp, hỗ trợ người có hoàn cảnh khó khăn, đồng bào vùng sâu vùng xa.



RỦI RO KINH TẾ

Yếu tố vĩ mô của nền kinh tế đóng vai trò quan trọng trong quá trình tăng trưởng của doanh nghiệp. Rủi ro kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống tạo ra từ yếu tố vĩ mô, trong đó các yếu tố cơ bản tác động đến hoạt động kinh doanh như: tốc độ tăng trưởng kinh tế; tỷ lệ lạm phát và tỷ lệ lãi suất. Phân tích môi trường vĩ mô nhằm dự phòng các yếu tố rủi ro tác động đến chiến lược tăng trưởng và đảm bảo vận hành mô hình kinh doanh. Ở Việt Nam, với quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế sau đại dịch, kinh tế vĩ mô tiếp tục duy trì ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát; chính sách tiền tệ, tài khóa được điều hành chủ động, linh hoạt và hiệu quả.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 2022 tăng 8,02% (quý I tăng 5,05%; quý II tăng 7,83%; quý III tăng 13,71%; quý IV tăng 5,92%) so với năm trước do nền kinh tế được khôi phục trở lại và đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022. Mặc dù nền kinh tế Việt Nam được dự đoán sẽ tăng trưởng trong các năm tiếp theo nhưng trong bối cảnh tình hình kinh tế, chính trị, xã hội thế giới còn nhiều vấn đề bất ổn, kinh tế Việt Nam vẫn chứa đựng các rủi ro tiềm ẩn. Tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm sút có thể ảnh hưởng tới nhu cầu mua nhà của người tiêu dùng, qua đó tạo ra rủi ro doanh thu, dòng tiền, hàng tồn kho, ảnh hưởng đến lợi nhuận và hoạt động của Công ty. Trước những rủi ro của nền kinh tế, Công ty không ngừng cải thiện chất lượng dịch vụ, hoàn thiện hệ thống quản lý nội bộ nhằm giữ vững thị phần trong các lĩnh vực kinh doanh, luôn cập nhật kịp thời những biến động của nền kinh tế và kịp thời đưa ra những chính sách phù hợp để hoạt động sản xuất kinh doanh có thể diễn ra ổn định và gắn việc tăng trưởng với phát triển bền vững.

RỦI RO TỶ GIÁ

Trong năm 2022, thị trường trong nước xuất hiện biến động tỷ giá lớn. Tỷ giá USD/VND đạt đỉnh cao nhất vào tháng 10/2022 gần chạm mức 25.000 đồng/USD. Trong bối cảnh thị trường quốc tế diễn biến phức tạp với nhiều biến động khó lường, NHNN đã nỗ lực trong việc ổn định tỷ giá dù thị trường quốc tế biến động mạnh, góp phần bình ổn thị trường ngoại tệ, ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát. Tỷ giá ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty trên các khía cạnh nhập khẩu và xuất khẩu. Các nguyên vật liệu đầu vào hầu hết được Công ty nhập khẩu từ nước ngoài do thị trường trong nước chưa đáp ứng được nguồn nguyên vật liệu này, rủi ro tỷ giá khiến cho chi phí đầu vào tăng. Tuy nhiên, xuất khẩu chiếm tỷ trọng chính trong cơ cấu doanh thu của Công ty, được các đối tác khách hàng thanh toán bằng ngoại tệ, giúp giảm thiểu tối đa các rủi ro về biến động tỷ giá. Để phòng ngừa rủi ro về tỷ giá, Công ty luôn có những chính sách tài chính cụ thể, giảm thiểu tối đa những ảnh hưởng của tỷ giá.



RỦI RO LÃI SUẤT

Lãi suất có ý nghĩa vô cùng quan trọng đến sự tăng trưởng của nền kinh tế. Đa số các doanh nghiệp đều sử dụng vốn vay từ ngân hàng để sử dụng cho các hoạt động đầu tư và kinh doanh. Trong năm 2022, ngân hàng nhà nước (NHNN) đã có nhiều động thái từ việc tăng lãi suất điều hành để ổn định nền kinh tế Việt Nam. Cụ thể thì hiện nay, NHNN đã điều chỉnh lãi suất tái chiết khấu đạt mức 4,5%/năm, lãi suất tái cấp vốn là 6%/năm. Theo sau đó là lãi suất cho vay tại các ngân hàng thương mại (NHTM) có xu hướng tăng theo lãi suất của NHNN. Khi đó các doanh nghiệp trong nước có xu hướng cắt giảm và thu hẹp quy mô hoạt động. Trước tình trạng gia tăng lãi suất hiện tại Công ty luôn theo dõi và cập nhật thường xuyên để có thể hoạch định chiến lược đầu tư phù hợp.

RỦI RO VỀ PHÁP LUẬT

Rủi ro pháp luật là rủi ro phát sinh do không áp dụng kịp thời, không phù hợp với các văn bản pháp luật trong quá trình triển khai hoạt động công ty. Là một Công ty cổ phần, hoạt động kinh doanh tại Việt Nam và chịu sự chi phối bởi luật của hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật Doanh Nghiệp, Luật Kế Toán, Luật Lao Động... Hiện nay hệ thống pháp luật của nước ta vẫn liên tục đổi mới để phù hợp với nền kinh tế, ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Do vậy, vừa để hạn chế tối đa những rủi ro liên quan đến yếu tố pháp lý, vừa để ổn định trong hoạt động kinh doanh, Công ty luôn theo dõi, nghiên cứu và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của mình, đồng thời tham khảo và thuê tư vấn đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Công ty.

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Công nghệ luôn thay đổi và phát triển không ngừng, nên việc lựa chọn giải pháp đầu tư sao cho phù hợp là một thử thách cho Công ty. Với việc yêu cầu phải cải thiện chất lượng ngày càng tốt hơn, cạnh tranh nhiều trong ngành thì việc nâng cao năng suất, giảm chi phí hoạt động luôn được ưu tiên trong quá trình phát triển. Tốc độ phát triển công nghệ còn ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh các thiết bị công nghệ, điện tử.

Trong quá trình chuyển đổi số, chi phí nhân công trong mảng công nghệ thông tin đang khá cao so với các ngành khác. Việc sử dụng và nâng cao chất lượng nhân lực là rất cần thiết trong quá trình hoạt động, tuy nhiên sẽ ảnh hưởng đến chi phí nhân sự.

Để giảm thiểu các rủi ro này, Công ty luôn có những phương án đầu tư chọn lọc, phương án đầu tư thị trường kỹ lưỡng cả về nhân sự lẫn công nghệ. Xây dựng các phương án dự phòng rủi ro tài chính.



RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Rủi ro môi trường xung quanh là một vấn đề nghiêm trọng đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và chế biến. Các hoạt động như xả thải độc hại, khai thác tài nguyên thiếu cẩn trọng, ô nhiễm không khí và nước, và phát thải khí nhà kính có thể gây ra tác động tiêu cực đến môi trường sống xung quanh.

VNTT là một Công ty hoạt động trong lĩnh vực viễn thông, rủi ro ảnh hưởng đến môi trường xung quanh có thể liên quan đến việc sản xuất và sử dụng thiết bị viễn thông. Các thiết bị này không được xử lý đúng cách có thể gây ra ô nhiễm đất và nước.

Hơn nữa, các trạm phát sóng và dây cáp viễn thông cũng có thể gây ra tác động tiêu cực đến môi trường xung quanh nếu không được xây dựng và vận hành đúng cách. Nếu các trạm phát sóng không được đặt đúng vị trí hoặc không được bảo trì đúng cách, chúng có thể gây ra ô nhiễm âm thanh và ánh sáng, ảnh hưởng đến động vật và cây cối trong khu vực xung quanh.

Do đó, để giảm thiểu rủi ro ảnh hưởng đến môi trường xung quanh, VNTT luôn đảm bảo rằng các hoạt động sản xuất và sử dụng thiết bị được thực hiện theo các quy định và tiêu chuẩn bảo vệ môi trường, và các trạm phát sóng và dây cáp viễn thông được xây dựng và vận hành đúng cách.

RỦI RO KHÁC

Bên cạnh các rủi ro trên, còn các rủi ro khác khó đoán và không thể kiểm soát được như thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ,... gây tài sản cho con người, tài sản, tình hình hoạt động của Công ty. Do đó, Công ty luôn thực hiện chủ trương theo dõi và nắm bắt thông tin kịp thời nhằm đưa ra các biện pháp phòng vệ rủi ro và đảm bảo cho hoạt động của doanh nghiệp được thông suốt. Kết hợp mua bảo hiểm rủi ro cháy nổ đối với các thiết bị công nghệ.



02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH CHUNG

Thuận lợi

Năm 2022, tổng sản phẩm quốc nội của Việt Nam tăng 8,02%, cao hơn mức 2,58% của năm 2021 và cũng là mức tăng cao nhất trong 10 năm trở lại đây. Mức tăng này cao hơn so với mục tiêu tăng trưởng 6 - 6,5%, đây là một thành công lớn của nước ta trong việc hồi phục kinh tế sau đại dịch và duy trì phát triển kinh doanh.

VNTT có đội ngũ CBNV trẻ, năng động có trình độ chuyên môn cao được đào tạo bài bản, chuyên nghiệp. Đặc biệt với chính sách tuyển dụng đào tạo linh hoạt, chế độ phúc lợi luôn được đảm bảo VNTT đã từng bước xây dựng được đội ngũ cán bộ quản lý giàu kinh nghiệm và đội ngũ nhân sự chuyên môn kỹ thuật giỏi nghiệp vụ ham học hỏi và không ngừng đổi mới sáng tạo.

VNTT cũng là doanh nghiệp đi đầu trong việc áp dụng các phương pháp quản trị nhân sự chuyên nghiệp vào quản trị điều hành Công ty. VNTT đã áp dụng thành công phương pháp trả lương theo mô hình 3P góp phần tích cực trong việc nâng cao năng suất và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

VNTT là một thành viên trong tập đoàn Becamex và hoạt động chính tại các Tỉnh Bình Dương, Bình Phước, Quảng Ngãi, Nghệ An, Hải Phòng. Đây đều là những khu vực đang phát triển và thu hút nhiều vốn đầu tư từ cả trong và ngoài nước.



Khó khăn

Ngay sau khi tình hình dịch Covid19 cơ bản được kiểm soát, nền kinh tế dần hồi phục trở lại, thì các khó khăn khác lại tiếp tục ập tới khi mà cuộc xung đột giữa Nga và Ukraine diễn ra làm đứt gãy chuỗi cung ứng, thiếu hụt nguồn nguyên nhiên vật liệu, chi phí gia tăng.

Tình trạng lãi suất tăng cao để ổn định nền kinh tế sau đại dịch là một khó khăn lớn với hoạt động sản xuất kinh doanh của hầu hết các doanh nghiệp.

Hiện nay trên thị trường có nhiều các đơn vị cạnh tranh trong cùng lĩnh vực cơ – điện, nên biên lợi nhuận thấp.

Vì hoạt động trong lĩnh vực công nghệ và chuyên cung cấp các giải pháp trong lĩnh vực viễn thông, đây là ngành luôn có sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ và kỹ thuật.

Chi phí nhân công trong ngành công nghệ thông tin và dịch vụ viễn thông đang cao hơn so với các ngành khác.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022, sau khi đại dịch Covid19 được kiểm soát hoàn toàn, hoạt động kinh doanh của VNTT có phần khởi sắc và dần hồi phục khi mà phần lớn các chỉ tiêu đều vượt qua kết quả cùng kỳ năm trước nhưng vẫn chưa đạt kế hoạch đề ra.

Các chỉ tiêu về tình hình hoạt động được thể hiện như sau:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2022	So kế hoạch		So năm 2021	
			KH2022	% TH/KH	TH2021	%TH2022/TH2021
1	Tổng doanh thu	392.352	444.000	88,37%	305.083	128,61%
a	Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022:	387.948	442.000	87,77%	298.162	130,11%
b	Doanh thu hoạt động tài chính	1.825	1.000	182,50%	2.943	62,01%
c	Doanh thu khác	2.579	1.000	257,90%	3.978	64,83%
2	Tổng chi phí	349.029	398.500	87,58%	272.757	127,96%
a	Giá vốn hàng bán	305.774	347.000	88,12%	228.986	133,53%
b	Chi phí bán hàng	15.116	17.700	85,40%	12.031	125,64%
c	Chi phí quản lý	26.050	31.300	83,23%	26.839	97,06%
d	Chi phí tài chính	2.079	2.000	103,95%	4.847	42,89%
e	Chi phí khác	9	500	1,8%	53	16,98%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	40.754	45.000	90,56%	28.402	143,49%
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	43.323	45.500	95,22%	32.326	134,02%
5	Thuế TNDN	8.258	10.000	82,58%	7.049	117,15%
6	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	1.511	-1.000	-	-410	-
7	Lợi nhuận sau thuế	33.554	36.500	91,93%	25.686	130,63%

Cụ thể tổng doanh thu đạt 392.352 triệu đồng, bằng 128,61% năm 2021 và đạt 88,37% kế hoạch đề ra; Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt 40.754 triệu đồng, bằng 143,49% cùng kỳ năm trước và vượt 90,56% kế hoạch đề ra; Lợi nhuận trước thuế đạt 43.323 triệu đồng, bằng 134,02% so với cùng kỳ năm trước và bằng 95,22% kế hoạch đề ra. Khách hàng chủ yếu của VNTT các khu công nghiệp của tập đoàn Becamex và hoạt động chủ yếu ở Bình Dương, đây là nơi thu hút vốn đầu tư hàng đầu ở Việt Nam. Theo Tổng cục Thống kê, tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam năm 2022 ước đạt gần 22,4 tỷ USD, tăng 13,5% so với năm trước, đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất trong 5 năm qua. Điều này mang lại lợi thế lớn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của VNTT ngay cả khi tình hình kinh tế thế giới đang chịu nhiều biến động.

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ
1	Ông Giang Quốc Dũng	Chủ tịch HĐQT	72.287 cổ phần
2	Ông Phạm Tuấn Anh	Phó Chủ tịch HĐQT	0 cổ phần
3	Bà Võ Thị Thanh Hương	Thành viên HĐQT	52.640 cổ phần
4	Ông Quang Văn Viết Cường	Thành viên HĐQT	75.000 cổ phần
5	Ông Nguyễn Bá Thước	Thành viên HĐQT	30.000 cổ phần



Ông: GIANG QUỐC DŨNG
Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Ngày sinh: 05/06/1974
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế

Quá trình công tác

- » 2009 - 2018: Tổ trưởng tổ trợ lý, Thư ký HĐQT Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp - CTCP
- » 2019 - nay: Phó TGD, Tổ trưởng tổ trợ lý, Thư ký HĐQT, Người phụ trách quản trị Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp - CTCP
- » 04/2016 - nay: Tổng giám đốc CTCP Công nghệ & Truyền thông Việt Nam

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác

- » Chủ tịch HĐQT - CTCP Kinh doanh và Phát triển Bình Dương
- » Phó TGD - Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp - CTCP
- » Chủ tịch HĐQT - CTCP Phát triển Giáo dục Miền Đông

Số cổ phần cá nhân sở hữu: 72.287 cổ phần, tương đương 0,2% VDL

Số cổ phần đại diện sở hữu: 17.844.600 cổ phần, tương đương 48,6% VDL



Ông: PHẠM TUẤN ANH
Chức vụ: Phó Chủ tịch HĐQT
Ngày sinh: 06/06/1985
Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Công nghệ thông tin

Quá trình công tác

- » 09/2018 - 07/2019: Giám đốc Nghiên cứu và Phát triển, Công ty Orient Software
- » 07/2019 - nay: Giám đốc Phát triển CNTT, Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp - CTCP

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác

- » Giám đốc Phát triển CNTT, Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp - CTCP

Số cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần

Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần



Ông: QUẢNG VĂN VIẾT CƯỜNG
Chức vụ: Thành viên HĐQT
Ngày sinh: 23/05/1970
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Anh văn

Quá trình công tác

- » Từ 2009 - 2018: Giám đốc Phòng Đầu tư Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp - CTCP
- » Từ 2019 - nay: Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp - CTCP

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác

- » Phó TGD - Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp - CTCP
- » Phó Chủ tịch HĐQT - CTCP Phát triển Hạ tầng Kỹ Thuật
- » Phó Chủ tịch HĐQT - CTCP Phát triển Đô Thị

Số cổ phần cá nhân sở hữu: 75.000 cổ phần tương đương 0,2%VDL

Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần



DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bà: VÕ THỊ THANH HƯƠNG
Chức vụ: Thành viên HĐQT
Ngày sinh: 17/11/1975
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế phát triển, Cao cấp Chính trị

Quá trình công tác

- » 01/04/1998 - 14/08/2004: Chuyên viên kế toán Phòng Kế toán Thống kê Tài chính, Bưu điện tỉnh Bình Dương
- » 15/08/2004 - 31/12/2007: Phó phòng Đầu tư - XDCCB, Bưu điện tỉnh Bình Dương
- » 01/01/2008 - 14/05/2009: Phó phòng Đầu tư - XDCCB, VNPT Bình Dương
- » 15/05/2009 - 31/12/2013: Trưởng phòng Đầu tư - XDCCB, VNPT Bình Dương - Chi ủy viên Chi bộ Khối quản lý
- » 01/01/2014 - 13/5/2015: Trưởng phòng Đầu tư - Phát triển hạ tầng, VNPT Bình Dương - Chi ủy viên Chi bộ Khối quản lý
- » 14/5/2015 - 09/11/2015: Trưởng phòng Đầu tư - XDCCB, VNPT Bình Dương - Chi ủy viên Chi bộ Khối quản lý
- » 10/11/2015 - 21/12/2017: Kế toán trưởng, Trưởng Phòng Kế hoạch Kế toán Viễn thông Bình Dương - Đảng ủy viên Đảng bộ VTBD, Bí thư Chi bộ Khối Quản lý
- » 22/12/2017 - 28/2/2019: Phó Giám đốc VNPT Bình Dương
- » 01/3/2019 - 08/6/2020: Phó Giám đốc VNPT Bình Dương phụ trách VNPT Bình Dương - Trưởng Đại diện của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam
- » 08/6/2020 - nay: Giám đốc VNPT Bình Dương - Trưởng Đại diện của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam trên địa bàn tỉnh Bình Dương

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác

- » Giám đốc VNPT Bình Dương

Số cổ phần cá nhân sở hữu: 52.640 cổ phần, tương đương 0,14% VDL

Số cổ phần đại diện sở hữu: 2.000.000 cổ phần, tương đương 5,45% VDL



Ông NGUYỄN BÁ THUỐC
Chức vụ: Thành viên HĐQT
Ngày sinh: 02/06/1950
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thông tin Viễn thông

Quá trình công tác

- » 1977 - 1980: Kỹ sư, Trưởng ban Quy hoạch mạng lưới viễn thông, Trưởng phòng kỹ thuật, Hiệu trưởng Trường kỹ thuật - Bưu điện Thành phố Hà Nội - Tổng cục Bưu điện.
- » 1981 - 1984: Cố vấn mạng viễn thông Văn phòng Trung ương, Văn phòng chính phủ nước CHDCND Lào
- » 1987- 1997: Phó Giám đốc, Giám đốc Công ty XNK Vật tư Bưu điện, Công ty thiết bị Viễn thông của Tổng Cục Bưu điện
- » 1998 - 2010: Trưởng Ban kế hoạch, Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam
- » 2010 - nay: Thành viên HĐQT CTCP Công nghệ & Truyền thông Việt Nam

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác

- » Nhân viên Phòng Quản lý CTCP - Tổng Công ty Đầu tư và phát triển Công Nghiệp - CTCP

Số cổ phần cá nhân sở hữu: 30.000 cổ phần tương đương 0,08% VDL

Số cổ phần đại diện sở hữu: 0



THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
1	Ông Huỳnh Quang Hải	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 20/04/2022
2	Ông Giang Quốc Dũng	Phó Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 20/04/2022
		Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 20/04/2022
3	Bà Võ Thị Thanh Hương	Phó Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 20/04/2022
		Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 20/04/2022
4	Ông Phạm Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 20/04/2022
		Phó Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 25/04/2022
5	Ông Quảng Văn Viết Cường	Thành viên HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 20/04/2022
6	Ông Nguyễn Bá Thuốc	Thành viên HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 20/04/2022

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ
1	Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Trưởng BKS	20.000 cổ phần
2	Ông Nguyễn Hải Hoàng	Thành viên BKS	0 cổ phần
3	Ông Lê Đức Thịnh	Thành viên BKS	0 cổ phần



Bà: NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG
Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát
Ngày sinh: 11/09/1988
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ tài chính

Quá trình công tác

- » 10/2012-4/2013: Nhân viên Phòng đầu tư, Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp - CTCP
- » 5/2013 -7/2014: Nhân viên Dự án Bệnh viện ĐKQT Becamex, Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp - CTCP
- » 8/2014- 12/2014: Nhân viên Phòng Sản xuất kinh doanh, Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp - CTCP
- » 1/2015 -6/2016: Tổ phó Tổ đấu thầu, Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp - CTCP
- » 7/2016-4/2017: Tổ trưởng Tổ quản lý công nợ Khu công nghiệp, Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp - CTCP
- » 5/2017- 12/2017: Kiểm soát viên Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp - CTCP

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác

- » Trưởng BKS - CTCP Kinh doanh và Phát triển Bình Dương
- » Trưởng BKS - Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp - CTCP
- » Trưởng BKS - CTCP Phát triển Đô thị
- » Trưởng BKS - CTCP Xây dựng và Giao thông Bình Dương
- » Trưởng BKS - CTCP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật

Số cổ phần cá nhân sở hữu: 20.000 cổ phần tương đương 0,05%VĐL

Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần



Ông: NGUYỄN HẢI HOÀNG
Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát
Ngày sinh: 10/10/1991
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ tài chính

Quá trình công tác

- » Từ 2014 - 2018: Chuyên viên phân tích đầu tư CTCP Chứng khoán Rồng Việt
- » Từ 2018 - 2019: Chuyên viên phân tích đầu tư Quỹ đầu tư Korea Investment (Văn phòng TP.HCM)
- » Từ 2019 - 2020: Nhân viên Tổ trợ lý Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP
- » Từ 2020 - nay: Phó giám đốc Phòng quản lý công ty cổ phần Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác

- » Phó giám đốc Phòng quản lý CTCP - Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP

Số cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần

Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần



Ông: LÊ ĐỨC THỊNH
Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát
Ngày sinh: 12/11/1988
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

- » 10/2021 - nay: Nhân viên Phòng Quản lý Công ty Cổ Phần - Tổng Công Ty Đầu Tư và Phát Triển Công Nghiệp - CTCP
- » 05/2019 - 03/2021: Chủ Nhiệm Dự Án Dịch Vụ Tư Vấn CTCP Tư vấn EY (Việt Nam)
- » 08/2011 - 04/2019: Phó Phòng Tư Vấn Dịch Vụ Thuế Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
- » 07/2010 - 03/2011: Kiểm toán viên & chuyên viên tư vấn thuế Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam)

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác

- » Nhân viên Phòng Quản lý CTCP - Tổng Công Ty Đầu Tư và Phát Triển Công Nghiệp - CTCP

Số cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần

Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần



THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
1	Ông Đặng Thanh Hùng	Trưởng Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 20/04/2022
2	Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Thành viên Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 20/04/2022
		Trưởng Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 20/04/2022
3	Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân	Thành viên Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 20/04/2022
4	Ông Nguyễn Hải Hoàng	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 20/04/2022
5	Ông Lê Đức Thịnh	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 20/04/2022

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ
1	Phạm Tuấn Anh	Tổng giám đốc	0 cổ phần
2	Lê Xuân Vinh	Phó Tổng giám đốc	32.900 cổ phần
3	Lai Xuân Nghĩa	Phó Tổng giám đốc	30.400 cổ phần
4	Nguyễn Văn Phúc	Kế toán trưởng	30.400 cổ phần

“ Ông **Phạm Tuấn Anh**: Xem lại lý lịch thành viên Hội đồng quản trị ”



Ông: LÊ XUÂN VINH
Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
Ngày sinh: 08/11/1967
Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ kỹ thuật, ngành Viễn thông

Quá trình công tác

- » 1990 – 2008: Cán bộ nghiên cứu Trung tâm nghiên cứu kỹ thuật chuyển mạch Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, Viện KHKT Bưu điện
- » 2008 – nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Công nghệ & Truyền thông Việt Nam

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác

Không có

Số cổ phần cá nhân sở hữu: 32.900 cổ phần tương đương 0,09% VDL

Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần



Ông: LAI XUÂN NGHĨA
Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
Ngày sinh: 15/12/1975
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện

Quá trình công tác

- » 2000 – 2002: Kỹ sư Điện tại Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp CTCP
- » 2000 – 2015: Trưởng bộ phận Điện Tổng Công ty Đầu tư và Phát Triển Công Nghiệp CTCP
- » 2015 – nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Công nghệ & Truyền thông Việt Nam

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác

Không có

Số cổ phần cá nhân sở hữu: 30.400 cổ phần tương đương 0,08% VDL

Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần



DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông: NGUYỄN VĂN PHÚC
Chức vụ: Kế toán trưởng
Ngày sinh: 22/03/1975
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Ngành kế toán

Quá trình công tác

- » 10/1999 – 02/2002: Nhân viên văn phòng Công ty TNHH Xây dựng – Thương mại Đức Dũng tại Thủ Dầu Một, Bình Dương
- » 02/2002 – 06/2007: Nhân viên văn phòng Công ty Xổ số Kiến thiết Bình Dương tại Thủ Dầu Một, Bình Dương
- » 07/2007 – 04/2009: Nhân viên văn phòng CTCP Phát triển Đô thị tại Thủ Dầu Một, Bình Dương
- » 04/2009 – 03/2015: Kế toán trưởng CTCP Phát triển Đô thị tại Thủ Dầu Một, Bình Dương
- » 03/2015 – nay: Kế toán trưởng CTCP Công nghệ & Truyền thông Việt nam tại Thủ Dầu Một, Bình Dương

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác

Không có

Số cổ phần cá nhân sở hữu: 30.400 cổ phần tương đương 0,08% VDL

Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần



THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
1	Ông Giang Quốc Dũng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 12/04/2022
2	Ông Dương Ngọc Hoàng Vũ	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12/04/2022 Miễn nhiệm ngày 11/08/2022
3	Ông Phạm Tuấn Anh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11/08/2022
4	Ông Ngô Duy Khang	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 09/11/2022

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN (tính đến ngày 31/12/2022)

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
A	Theo trình độ		
1	Trên đại học	133	49,44%
2	Đại học	95	35,32%
3	Cao đẳng	25	9,29%
4	Trung cấp	16	5,95%
B	Theo đối tượng lao động		
1	Lao động trực tiếp	103	38,29%
2	Lao động gián tiếp	166	61,71%
C	Theo giới tính		
1	Nam	208	77,32%
2	Nữ	61	22,68%
D	Theo thời hạn HĐLĐ		
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	7	2,60%
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	99	36,80%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	162	60,22%
E	Theo cấp quản lý		
1	Quản lý cấp cao	4	1,49%
2	Quản lý cấp trung	23	8,55%
3	Quản lý cấp chi nhánh	52	19,33%
4	Chuyên viên, nhân viên	153	56,88%
F	Theo độ tuổi		
1	Từ 18 đến 25 tuổi	30	11,15%
2	Từ 26 đến 35 tuổi	139	51,67%
3	Từ 36 đến 45 tuổi	78	29,00%
4	Trên 45	22	8,18%
Tổng cộng		269	100%

THU NHẬP BÌNH QUÂN

	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	13.600.000	12.520.411	13.465.016	13.339.848

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Với chính sách lương thưởng công bằng, linh hoạt; chính sách đào tạo phù hợp, tạo cơ hội thăng tiến cho đội ngũ nhân viên trẻ có năng lực cùng với môi trường làm việc thân thiện đã xây dựng nền văn hóa doanh nghiệp giúp Công ty duy trì và phát triển được nguồn nhân lực có thể đáp ứng được yêu cầu công việc hiện tại và trong tương lai.

Về đào tạo

VNTT luôn coi nhân lực là tài sản quý giá nhất, để tồn tại và phát triển cần nguồn nhân lực có chất lượng. Do đó, chất lượng nguồn nhân sự luôn được quan tâm đúng mức nhằm nâng cao năng lực hoạt động của Công ty. Với mục tiêu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực chất lượng cao, VNTT xây dựng các chính sách đào tạo, phát triển theo chiến lược tốt nhất và tiên tiến nhất.

Công ty có những quy định rõ ràng từng nội dung, trách nhiệm, yêu cầu và phương pháp đào tạo nhân viên của VNTT nhằm đảm bảo công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có đủ trình độ, kiến thức đáp ứng được yêu cầu công việc theo định hướng phát triển của VNTT.

Tổ chức lớp đào tạo ứng dụng từ điển năng lực trong tuyển dụng, Nhận diện tiềm năng và phát triển đội ngũ kế thừa, ứng dụng kết quả đánh giá năng lực trong đào tạo. Trong năm 2022, tổ dự án phòng HCNS phối hợp với đơn vị đánh giá L&A lên kế hoạch tổ chức lớp đào tạo hướng dẫn lập kế hoạch phát triển cá nhân.



Môi trường công việc

Đầu tư, trang bị cơ sở vật chất để đảm bảo môi trường làm việc xanh, sạch, đẹp. Xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp để người lao động yên tâm làm việc và gắn bó với doanh nghiệp.

Thực hiện đúng các quy định về an toàn sức khỏe, an toàn vệ sinh lao động và vệ sinh môi trường



Về lương thưởng, phúc lợi

Tiếp tục quá trình vận hành hệ thống trả lương theo mô hình 3P. Bước đầu đã cho kết quả tích cực: mức lương trả theo năng lực kết hợp tham chiếu lương thị trường; Hệ thống công thức để xét tăng lương khoa học, khách quan; Hệ thống đánh giá năng lực (KPI) thể hiện được những cá nhân nổi trội và những cá nhân cần có kế hoạch phát triển để cải thiện năng lực cá nhân. Trong thời gian tới, VNTT tiếp tục cải tiến để hoàn thiện hệ thống quản trị nguồn nhân lực.

Các chính sách thi đua khen thưởng để động viên người lao động có thành tích xuất sắc cũng như khen thưởng các đơn vị tập thể có thành tích nổi bật trong năm.

Công ty đảm bảo việc chi trả lương đầy đủ, đúng thời gian quy định cho người lao động, chi trả bổ sung tiền lương tháng 13 và lương thưởng Tết. Ngoài ra Công ty chi trả bổ sung tiền lương vào các dịp lễ Tết Dương lịch, 30/4, 1/5, lễ Quốc Khánh, chi thưởng thâm niên, lì xì,...

Đảm bảo đời sống cho cán bộ, công nhân viên trong Công ty yên tâm công tác, đáp ứng được mức sống cơ bản của cán bộ, công nhân viên. Hỗ trợ người lao động có hoàn cảnh khó khăn.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Tổng giá trị đầu tư năm 2022 (gồm đầu tư mua sắm tài sản và đầu tư xây dựng cơ bản) đạt 44,7 tỷ đồng, tăng 88% so với tổng đầu tư mua sắm năm 2021. Trong đó:

- Đầu tư lắp đặt cải tạo hạ tầng viễn thông các khu công nghiệp/khu dân cư: 16,6 tỷ, chiếm 37% tổng giá trị đầu tư trong năm.
- Đầu tư cải tạo hệ thống điện DC VNTT: 13,8 tỷ, chiếm 31% tổng giá trị đầu tư trong năm.
- Đầu tư xây dựng/cải tạo văn phòng tại DC, Phòng giao dịch và Phòng máy tại các POP: 4.6 tỷ, chiếm 10%.
- Đầu tư hệ thống Server phục vụ ERP: 3,8 tỷ, chiếm 8%.
- Đầu tư hệ thống Core router: xấp xỉ 3 tỷ, chiếm 7%;
- Đầu tư mua máy móc, thiết bị, công cụ dụng cụ khác: 1,4 tỷ, chiếm 3%.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

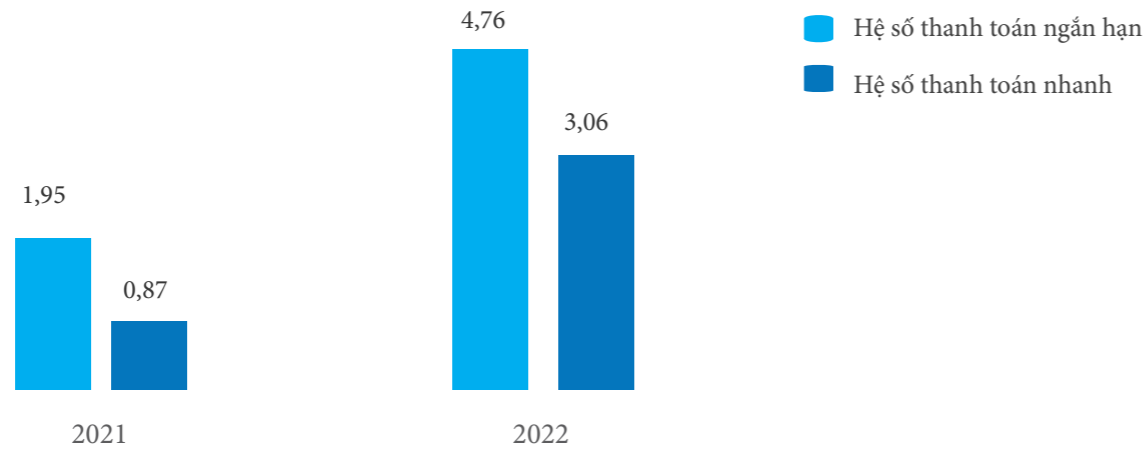
STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% 2022/2021
1	Tổng giá trị tài sản	486.756	528.421	108,56%
2	Doanh thu thuần	298.162	387.948	130,11%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	28.402	40.754	143,49%
4	Lợi nhuận khác	3.924	2.569	65,47%
5	Lợi nhuận trước thuế	32.326	43.323	134,02%
6	Lợi nhuận sau thuế	25.686	33.554	130,63%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	1,95	4,76
Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0,87	3,06
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	36,17%	16,64%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	56,67%	19,95%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	1,46	2,06
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,61	0,76
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	8,61%	8,65%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	8,27%	8,93%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	5,28%	6,61%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	9,53%	10,51%

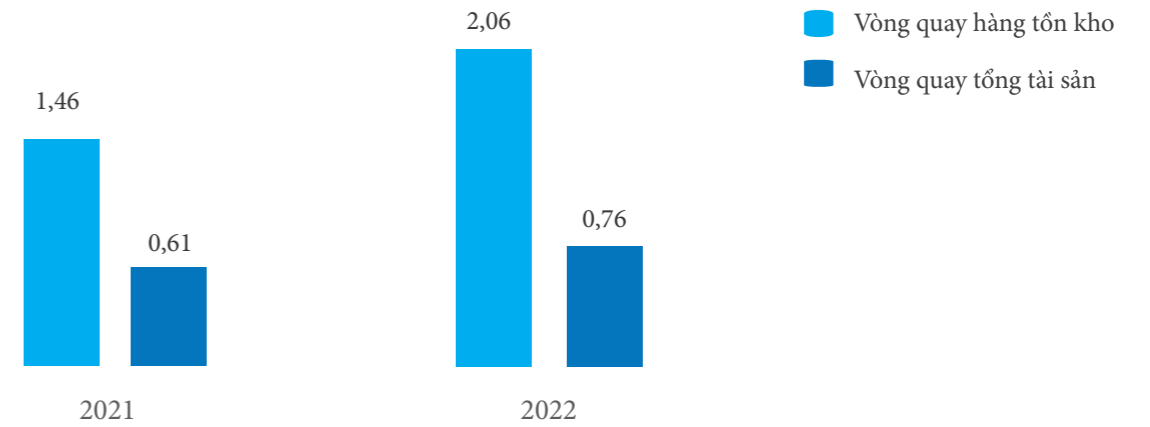
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán trong năm 2022 đã mang lại kết quả tích cực khi các chỉ tiêu này đều tăng mạnh. Cụ thể hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 1,95 lần lên 4,76 lần và hệ số thanh toán nhanh tăng từ 0,87 lần lên 3,06 lần. Nguyên nhân là do sự biến động ngược chiều nhau của tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn của Công ty, cụ thể trong năm Công ty đã tăng các khoản tiền gửi ngân hàng lên 167,55% tương ứng với mức tăng 50.939 triệu đồng và giảm bớt các khoản vay tài chính ngắn hạn 95,56% tương ứng với mức giảm 64.624 triệu đồng. Bên cạnh đó, hàng tồn kho trong năm qua cũng giảm bớt 28,20% phần lớn đến từ nguyên vật liệu và chi phí sản xuất. Nhìn chung các chỉ số về khả năng thanh toán của Công ty đều tăng mạnh cho thấy tính thanh khoản của Công ty khá tốt và an toàn.



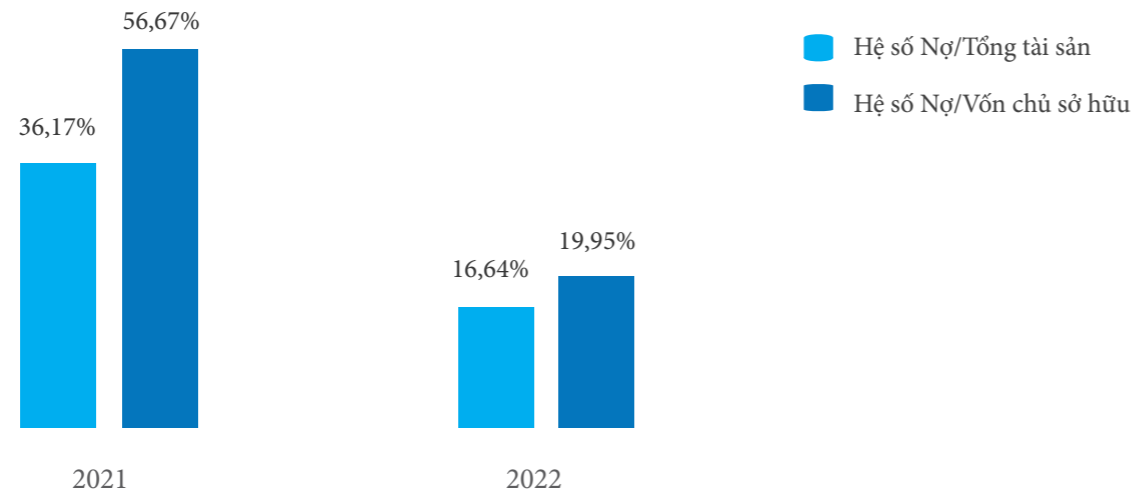
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán trong năm 2022 đã mang lại kết quả tích cực khi các chỉ tiêu này đều tăng mạnh. Cụ thể hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 1,95 lần lên 4,76 lần và hệ số thanh toán nhanh tăng từ 0,87 lần lên 3,06 lần. Nguyên nhân là do sự biến động ngược chiều nhau của tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn của Công ty, cụ thể trong năm Công ty đã tăng các khoản tiền gửi ngân hàng lên 167,55% tương ứng với mức tăng 50.939 triệu đồng và giảm bớt các khoản vay tài chính ngắn hạn 95,56% tương ứng với mức giảm 64.624 triệu đồng. Bên cạnh đó, hàng tồn kho trong năm qua cũng giảm bớt 28,20% phần lớn đến từ nguyên vật liệu và chi phí sản xuất. Nhìn chung các chỉ số về khả năng thanh toán của Công ty đều tăng mạnh cho thấy tính thanh khoản của Công ty khá tốt và an toàn.



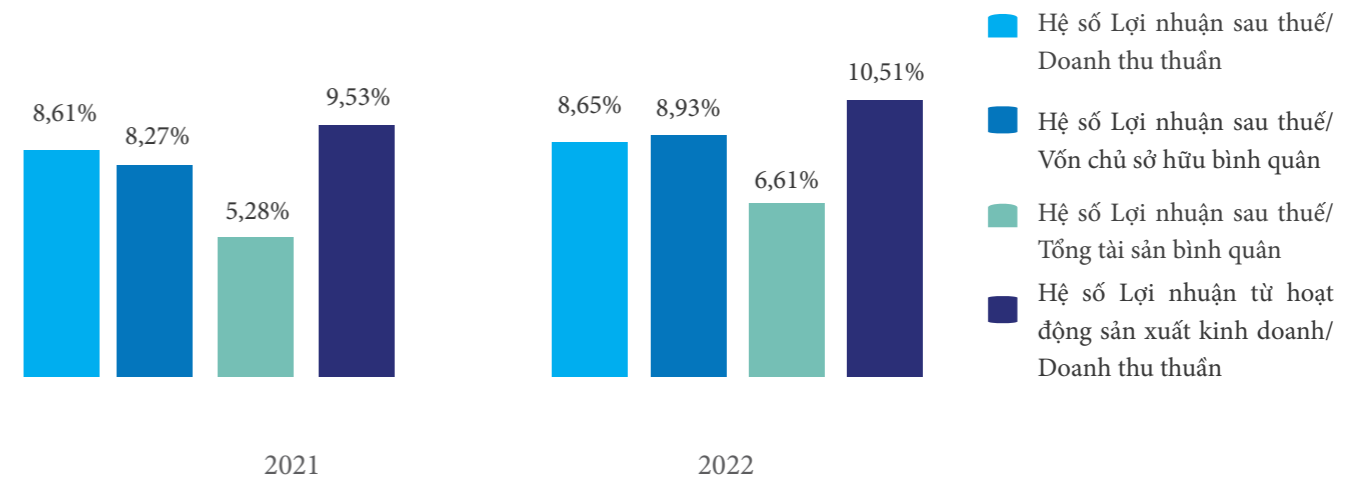
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Trong năm 2022, các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của doanh nghiệp có xu hướng giảm mạnh so với năm 2021. Cụ thể, Hệ số nợ/Tổng tài sản giảm từ 36,17% xuống 16,64%; Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu giảm từ 56,67% xuống 19,95%. Kết quả này có được là do Công ty đã kiểm soát tốt các yếu tố về nguồn vốn, nợ vay tài chính, góp phần giảm thiểu áp lực tài chính mà còn kiểm soát được các khoản nợ của Công ty trước những chính sách tiền tệ của nền kinh tế. Các chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn đều cho thấy khả năng tự chủ tài chính của Công ty khá mạnh và rủi ro tài chính thấp.



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty đều tăng lên so với cùng kỳ. Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần chỉ tăng nhẹ từ 8,61% lên 8,65% cho thấy tình hình hoạt động, quản lý chi phí của TTN vẫn duy trì mức ổn định. Hệ số ROA và ROE lần lượt tăng lên mức 6,61% và 8,93% cho thấy Công ty đang sử dụng tài sản và vốn chủ Sở hữu để sinh lời và tạo ra lợi nhuận rất hiệu quả. Còn hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần cũng tăng từ 9,53% lên 10,51%. Nhìn chung các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty đang rất khả quan, khả năng quản lý tài chính tốt, các hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn đang diễn ra ổn định và thậm chí tốt hơn trước.



THÔNG TIN CỔ PHIẾU



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (tính tại ngày 21/12/2022)

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Cơ cấu cổ đông lớn và cổ đông nhỏ			
a	Cổ đông lớn nắm giữ từ 5% tỷ lệ sở hữu	2	19.844.600	54,03%
b	Cổ đông nhỏ	2600	16.882.900	45,97%
2	Cơ cấu cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân			
a	Cổ đông là tổ chức	6	22.362.500	60,89%
b	Cổ đông cá nhân	2596	14.365.000	39,11%
3	Cơ cấu cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài			
a	Cổ đông trong nước	2570	36.587.200	99,62%
b	Cổ đông nước ngoài	32	140.300	0,38%
4	Cơ cấu cổ đông Nhà nước và các cổ đông khác			
a	Cổ đông Nhà nước	2	19.844.600	54,03%
b	Các cổ đông khác	2600	16.882.900	45,97%
	Tổng cộng	2602	36.727.500	100,00%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN (tính tại ngày 21/12/2022)

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu (cp)	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	Số 8, Hùng Vương, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	17.844.600	48,59%
Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông Việt Nam	6B Hoàng Diệu, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam	2.000.000	5,45%
	Tổng cộng	19.844.600	54,04%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2022, Công ty đã tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu lên 367.275.000.000 đồng

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có

03 BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá tình hình chung

Đánh giá động kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách,
quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến
kiểm toán



Trong năm 2022, ngay sau khi dịch Covid-19 được kiểm soát, nền kinh tế thế giới vẫn gặp nhiều biến động khi cuộc chiến tranh quân sự giữa Nga và Ukraine diễn ra cùng với chính sách Zero Covid của Trung Quốc làm cho thiếu hụt nguồn nguyên vật liệu, đứt gãy chuỗi cung ứng, các hoạt động sản xuất, thương mại toàn cầu đều bị ảnh hưởng nặng nề. Mất cân đối cung – cầu kéo theo tình trạng chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động tăng cao. Đây là những khó khăn chung mà các doanh nghiệp sản xuất phải đối mặt.

Lãi suất tăng, đồng USD tăng phi mã, hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp bị ảnh hưởng, phải cắt giảm chi phí, giảm ngân sách CNTT, tạm ngưng/hủy các đường truyền internet chi phí lớn; nhà máy ngừng/giảm hoạt động, nhân công bị cho thôi việc về quê, ngưng/hủy dịch vụ internet. Ngoài ra, chính sách nâng băng thông giá không đổi và chính sách điều chỉnh giảm giá gói cước của các doanh nghiệp viễn thông hiện là các đối tác của VNNTT làm ảnh hưởng đến doanh thu cước dịch vụ viễn thông (thuê bao không đổi nhưng doanh thu giảm do khách hàng hạ gói cước).

Các mặt hàng, vật tư, linh kiện, thiết bị đều bị tăng giá, thời gian cung cấp cũng bị kéo dài... ảnh hưởng đến giá dự thầu bị đẩy lên cao và thời gian hoàn thành công trình bị kéo dài.

Tiến độ xây dựng và bàn giao các công trình của chủ đầu tư bị chậm dẫn đến việc triển khai hạ tầng viễn thông của VNNTT bị ảnh hưởng theo. Thời gian chủ đầu tư duyệt cấp phép cho VNNTT thi công trong khu công nghiệp có thời điểm bị kéo dài, gây ảnh hưởng nhiều đến tiến độ thi công, triển khai dịch vụ của VNNTT.

Năm 2022, cũng là năm đầy thách thức cho các doanh nghiệp viễn thông và công nghệ thông tin khi tốc độ tăng trưởng cao của thị trường dịch vụ số với chủ trương tập trung phát triển của Chính phủ, các Bộ, Ngành. Điều này đòi hỏi Công ty VNNTT cần phải có chiến lược và lối đi riêng, để biến thách thức thành cơ hội, tận dụng những điểm mạnh của mình để bứt phá, chiếm lĩnh thị trường.

Trước tình hình khó khăn trên, Ban điều hành Công ty đã có nhiều biện pháp, giải pháp linh động, điều chỉnh phù hợp trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, nỗ lực chủ động đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, tập trung nghiên cứu phát triển các sản phẩm dịch vụ mới để vươn lên trong xu thế công nghệ mới để có thể khai thác hiệu quả các cơ hội do công cuộc chuyển đổi số mang lại.



Thuận lợi:

Thị trường dịch vụ số trong năm 2022 tăng trưởng cao do chủ trương tập trung phát triển của Chính phủ, các Bộ, Ngành nhằm đẩy mạnh thực hiện chương trình "Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030"

Công ty VNNTT với vai trò chủ lực dẫn dắt trong triển khai chuyển đổi số cho tập đoàn Becamex, thực hiện đẩy mạnh chiến lược hợp tác giữa các thành viên trong Tập đoàn và các Bộ, Ngành, cơ quan chính quyền địa phương để xây dựng và phát triển dịch vụ mới, mở ra thị trường và cơ hội phát triển sản phẩm mới cho Công ty.

Trình độ kỹ thuật, công nghệ của Công ty đã được khẳng định qua nhiều năm và được các khách hàng nhìn nhận đánh giá cao. Đây là một trong những lợi thế không nhỏ trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Khó khăn:

Thị trường viễn thông và công nghệ thông tin tiếp tục có sự cạnh tranh khốc liệt.

Nhu cầu phục hồi nền kinh tế sau đại dịch của các quốc gia khiến cho tình trạng lạm phát gia tăng dẫn đến nhiều khó khăn trong hoạt động thương mại.

Việc mở rộng thị trường tìm kiếm khách hàng mới nhiều khó khăn do đối thủ cạnh tranh trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin nhiều và mạnh.

Sự khan hiếm nguồn nhân lực công nghệ thông tin "chất lượng cao" tiếp tục tiếp diễn do nguồn nhân lực chưa phát triển đủ để đáp ứng với xu thế phát triển của công nghệ mới. Tình hình tài chính, tỷ giá ngoại tệ, lãi suất và chính sách vay vốn của ngân hàng có nhiều biến động.

KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG VNTT

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2022	%TH2022/TH2021	Kế hoạch 2022	%TH/KH 2022
1	Tổng doanh thu	387.684	127%	428.000	91%
2	Tổng chi phí	346.408	129%	378.000	92%
-	Giá vốn	299.001	132%	334.000	90%
-	Chi phí quản lý, bán hàng, chi phí khác	38.244	103%	42.000	91%
-	Chi phí tài chính	9.163	189%	2.000	458%
-	Trong đó trích lỗ VNTTS 7.1 tỷ				
4	Lợi nhuận trước thuế	41.276	117%	50.000	83%
5	Lợi nhuận sau thuế	33.018	117%	40.000	83%

Tổng doanh thu riêng VNTT đạt 387.684 triệu đồng (bao gồm thu nhập khác), tăng 27% so năm 2021 và đạt 91% kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế đạt 41.276 triệu đồng, tăng 17% so năm 2021 và đạt 83% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế đạt 33.018 triệu đồng, đạt 83% kế hoạch.

KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2022	%TH2022/TH2021	Kế hoạch 2022	%TH/KH 2022
1	Tổng doanh thu	392.352	+29%	444.000	88%
2	Tổng chi phí	349.029	+28%	398.500	88%
3	Lợi nhuận trước thuế	43.323	+34%	45.500	95%
4	Lợi nhuận sau thuế	33.554	+31%	36.500	92%
5	Chia cổ tức	7%/VĐL(*)	-	8%/VĐL	-

(*) Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2022 (theo Lợi nhuận trước thuế của BCTC hợp nhất)

Tổng doanh thu hợp nhất cả năm 2022 đạt 392.352 triệu đồng (bao gồm thu nhập khác), tăng 29% so năm 2021 và đạt 88% kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 43.323 triệu đồng, tăng 34% so năm 2021 và đạt 95% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 33.554 tỷ đồng, đạt 92% kế hoạch.

TĂNG TRƯỞNG DOANH THU THEO NHÓM NGÀNH

Kết quả kinh doanh trong năm 2022 cho thấy tình hình hoạt động của VNTT tích cực hơn so với năm 2021. Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 29% so năm 2021, trong đó doanh thu 4 nhóm ngành chính (Dịch vụ viễn thông (DVVT), dịch vụ Data Center (DVDC), MEP, Dự án ICT đạt mức tăng trưởng từ 11% trở lên so với năm 2021 và đạt từ 89% trở lên so kế hoạch. Cụ thể:

- Doanh thu DVVT đạt 164 tỷ đồng, tăng 12% so 2021 và đạt 107% kế hoạch;
- Doanh thu DVDC đạt 35,6 tỷ đồng, tăng 11% so 2021 và đạt 97% kế hoạch;
- Doanh thu MEP đạt 106 tỷ đồng, tăng 75% so 2021 và đạt 89% kế hoạch;
- Doanh thu dự án ICT đạt 60,5 tỷ đồng, tăng 46% so 2021 và đạt 117% kế hoạch;
- Doanh thu từ Bất động sản đạt 17 tỷ đồng, tăng 7% so 2021 và đạt 27% kế hoạch.

CƠ CẤU DOANH THU THEO NHÓM NGÀNH

Doanh thu DVVT chiếm 42%, doanh thu MEP chiếm 28%, doanh thu từ Dự án ICT chiếm 16%, doanh thu DVDC chiếm 9%, doanh thu từ Bất động sản chiếm 4%.

KIỂM SOÁT CHI PHÍ NĂM 2022

Tổng chi phí toàn Công ty tăng 29% so năm 2021. Trong đó, chi phí giá vốn tăng 32%, chi phí bán hàng và quản lý tăng 4%, chi phí tài chính tăng 89%. Chi phí tài chính tăng nhiều chủ yếu là do trích lập dự phòng khoản lỗ VNTTS (xấp xỉ 7,1 tỷ đồng), riêng chi phí lãi vay giảm 57% so với năm 2021 nhờ VNTT trả bớt nợ vay ngân hàng từ nguồn vốn tăng do phát hành thành công cổ phần cho cổ đông hiện hữu.

KIỂM SOÁT CHI PHÍ NĂM 2022

Giá vốn chiếm 86%, chi phí bán hàng và quản lý 11%, chi phí tài chính chiếm 3%.

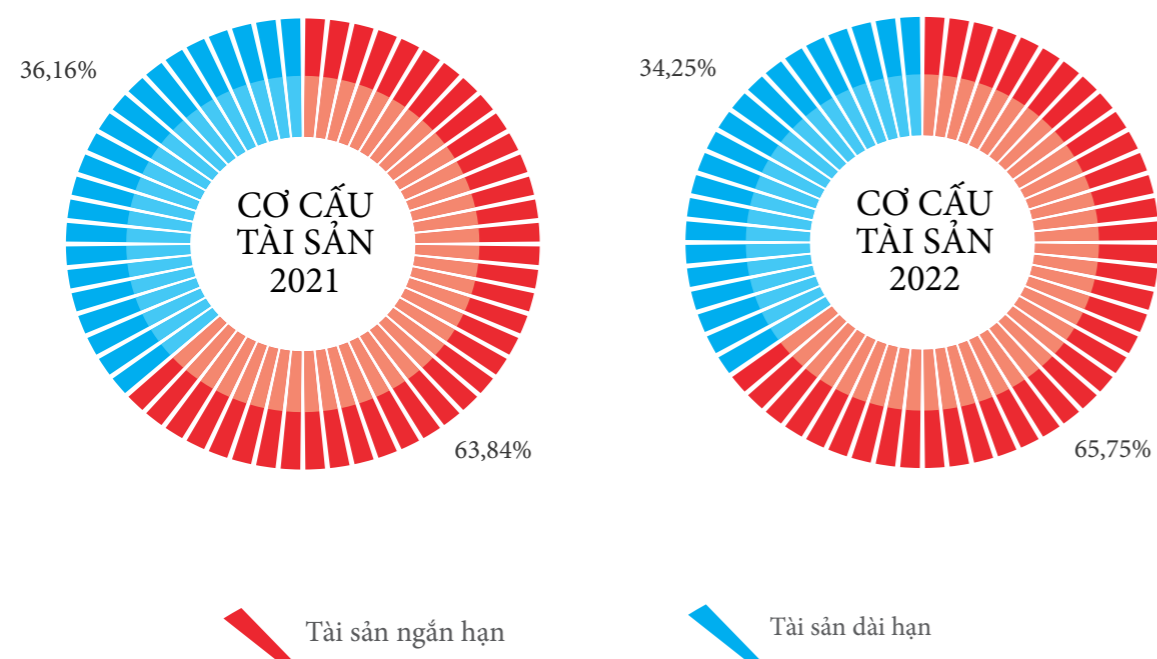
Thị phần cung cấp DVVT tại các khu công nghiệp Becamex/VSIP:

- Tăng 92 khách hàng doanh nghiệp so với đầu năm, tương đương tăng 6,7%, nâng tổng số lượng khách hàng doanh nghiệp đến cuối năm 2022 là 1.440.
- Tăng xấp xỉ 3.900 khách hàng cá nhân so đầu năm, tương đương tăng 30%, nâng tổng số lượng khách hàng cá nhân đến cuối năm 2022 là hơn 16.700.
- **Về thuê bao:** Số lượng thuê bao trong năm 2022 tăng xấp xỉ 3.000 thuê bao so đầu năm, tương đương tăng 13%, nâng tổng số lượng thuê bao đến cuối năm xấp xỉ 25.300 thuê bao.
- **Tăng trưởng thuê bao tại các tỉnh năm 2022:** Bình Phước có tốc độ tăng trưởng cao nhất (+41%), Hải Phòng tăng trưởng 16%, Bình Dương tăng 14%; Quảng Ngãi tăng 4%, riêng Nghệ An giảm 9%, chủ yếu do nhu cầu sử dụng dịch vụ tại khu kí túc xá Luxshare giảm vì công nhân nghỉ việc.

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: Triệu đồng

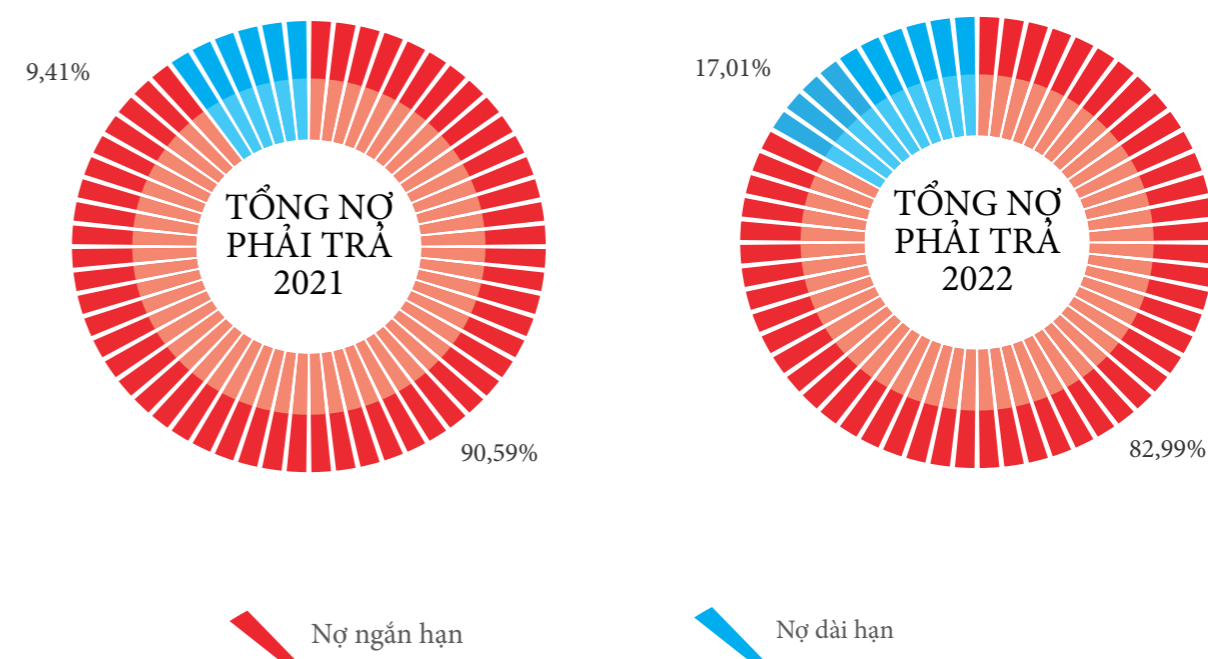
Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	TH 2022/ TH 2021	Tỷ trọng năm 2021	Tỷ trọng năm 2022
Tài sản ngắn hạn	310.747	347.426	111,80%	63,84%	65,75%
Tài sản dài hạn	176.008	180.996	102,83%	36,16%	34,25%
Tổng tài sản	486.756	528.421	108,56%	100%	100%



Tổng tài sản trong năm 2022 tăng 8,56% so với cùng kỳ năm trước, đạt mức 528.421 triệu đồng. Mức tăng chủ yếu đến từ tài sản ngắn hạn, do trong năm Công ty có chủ trương tăng vốn điều lệ lên mức 367.275 triệu đồng làm tăng lượng tiền và các khoản tương đương tiền lên 167,55%. Bên cạnh đó cơ cấu tài sản cũng có sự thay đổi khi mà Công ty đã tăng tỷ trọng tài sản ngắn hạn và giảm tỷ trọng tài sản dài hạn, góp phần làm tăng khả năng thanh toán của Công ty trong ngắn hạn.

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	TH 2022/ TH 2021	Tỷ trọng năm 2021	Tỷ trọng năm 2022
Nợ ngắn hạn	159.498	72.957	45,74%	90,59%	82,99%
Nợ dài hạn	16.573	14.948	90,20%	9,41%	17,01%
Tổng nợ phải trả	176.071	87.905	49,93%	100%	100%



Tổng nợ phải trả của Công ty năm 2022 đã giảm 50,07%, đạt mức 87.905 triệu đồng phần lớn đến từ mức giảm của nợ ngắn hạn, điều này cho thấy doanh nghiệp đã cải thiện khả năng tài chính của mình, có khả năng quản lý tiền mặt hiệu quả và có các chính sách trong hoạt động sản xuất kinh doanh tích cực. Bên cạnh đó việc nợ ngắn hạn giảm mạnh cho thấy doanh nghiệp đang ngày càng tự chủ về mặt tài chính, ưu tiên sử dụng vốn chủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

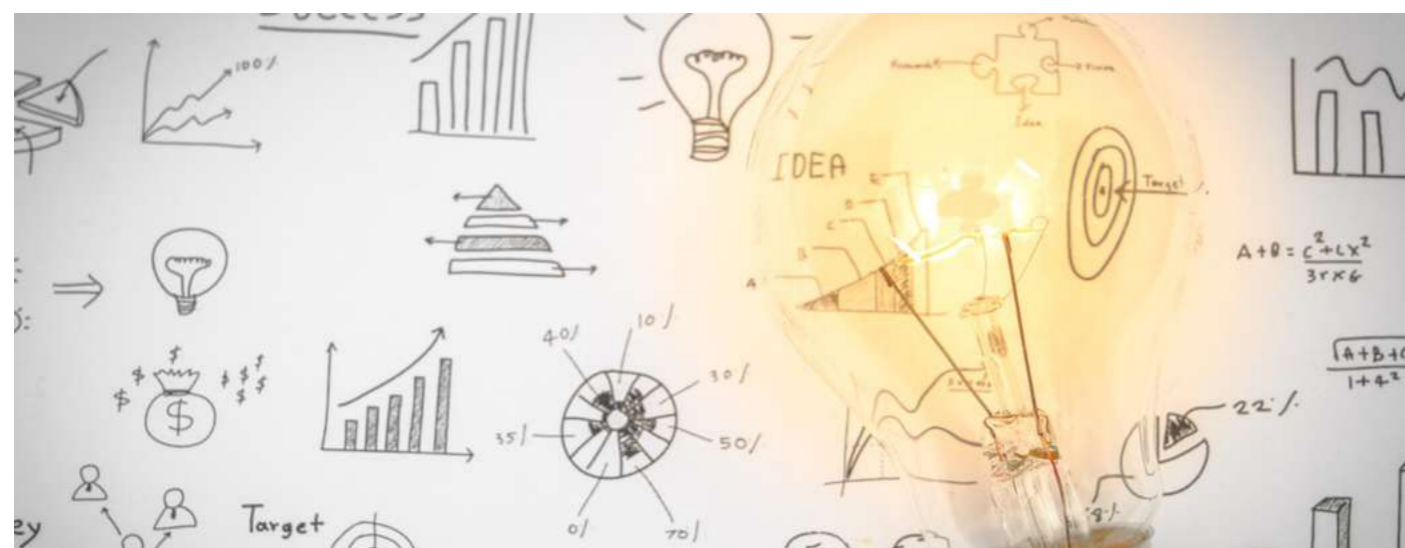
Trong năm Công ty đã hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nhân sự, sắp xếp lại bộ máy gián tiếp tại một số chi nhánh, phòng ban theo hướng tích, hiệu quả; đào tạo cán bộ nguồn cho các lĩnh vực cũng như cán bộ lãnh đạo quản lý đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty. Bên cạnh đó, TTN cũng hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định quản lý trong Công ty để phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty sửa đổi sau cuộc họp ĐHĐCĐ.

Trong năm đã hoàn thành tổ chức lớp đào tạo ứng dụng từ điển năng lực trong tuyển dụng, Nhận diện tiềm năng và phát triển đội ngũ kế thừa, ứng dụng kết quả đánh giá năng lực trong đào tạo. Trong năm 2022, Tổ dự án Phòng HCNS phối hợp với Đơn vị đánh giá L&A lên kế hoạch tổ chức lớp đào tạo hướng dẫn lập kế hoạch phát triển cá nhân.

Tiếp tục quá trình vận hành hệ thống trả lương theo mô hình 3P. Bước đầu đã cho kết quả tích cực: Mức lương trả theo năng lực kết hợp tham chiếu lương thị trường; Hệ thống công thức để xét tăng lương khoa học, khách quan; Hệ thống đánh giá năng lực (KPI) thể hiện được những cá nhân nổi trội và những cá nhân cần có kế hoạch phát triển để cải thiện năng lực cá nhân. Trong thời gian tới, VNTT tiếp tục cải tiến để hoàn thiện hệ thống quản trị nguồn nhân lực.

Thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường hướng tới mục tiêu phát triển bền vững gắn với môi trường và cộng đồng.

Đẩy mạnh công tác tiếp thị, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ khách hàng.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023:

Tiếp tục bám sát định hướng phát triển của Tập đoàn Becamex, giữ vững thị phần tại Becamex, trở thành công ty trụ cột của Tập đoàn.

Duy trì các sản phẩm dịch vụ mũi nhọn, đồng thời phát triển cơ sở hạ tầng, cơ sở dữ liệu và phần mềm ứng dụng, phát triển thành công các sản phẩm mới phù hợp với xu thế công nghệ mới. Đáp ứng mục tiêu chuyển đổi số của quốc gia.

Giữ vững thị trường nhằm tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu lợi nhuận được ĐHĐCĐ giao.

Bảo toàn và phát triển nguồn vốn, đảm bảo quyền lợi cổ đông.

Đảm bảo việc làm và nguồn thu nhập ổn định cho người lao động.

Công ty sẽ tập trung nguồn lực phát triển các dự án thương mại gắn liền với dịch vụ đi kèm để phát huy được thế mạnh của Công ty nhằm tăng lợi nhuận của các hoạt động thương mại.

Chủ động tìm kiếm các thị trường mới, liên kết với Viễn thông tỉnh/thành trong việc triển khai thực hiện cung ứng các sản phẩm ứng dụng công nghệ thông tin của Công ty.

Hoàn thiện và nâng cao hiệu quả kênh bán hàng, chăm sóc khách hàng.

Tập trung nguồn lực cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Áp dụng cách thức điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở chỉ đạo điều hành xuyên suốt.

TT	Chỉ tiêu	Riêng VNTT		Hợp nhất	
		Kế hoạch năm 2023	KH2023/TH2022	Kế hoạch năm 2023	KH2023/TH2022
I	KẾT QUẢ KINH DOANH				
1	Tổng doanh thu	388.000	101%	399.000	102%
-	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.	387.000	101%	398.000	103%
-	Trong đó:				
-	Dịch vụ viễn thông	172.000	105%	172.000	105%
-	Dịch vụ DataCenter	39.400	111%	39.400	111%
-	M.E.P	104.000	98%	104.000	98%
-	Dự án ICT	51.600	85%	62.600	97%
-	Bất động sản	20.000	118%	20.000	118%
-	Doanh thu hoạt động tài chính	1.000	69%	1.000	55%
2	Tổng chi phí	344.500	99%	356.000	102%
-	Giá vốn hàng bán	295.000	99%	307.300	101%
-	Chi phí bán hàng	17.000	111%	17.250	114%
-	Chi phí quản lý	27.000	118%	30.450	117%
-	Chi phí tài chính	5.500	60%	1.000	48%
-	Trong đó: Chi phí lãi vay	990	48%	990	48%
-	Trích lỗ VNTTS	4.500	-	-	-
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	43.500	112%	43.000	106%
4	Lợi nhuận khác	500	19%	500	19%
-	Thu nhập khác (Doanh thu khác)	1.000	39%	1.000	39%
-	Chi phí khác	500	5.000%	500	5.000%
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	44.000	107%	43.500	100%
6	Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.000	109%	9.000	109%
7	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	500	33%
8	Lợi nhuận sau thuế	35.000	106%	34.000	101%
II	NỘP NGÂN SÁCH				
-	Thuế giá trị gia tăng	11.500	110%	11.500	110%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.000	116%	9.000	116%
-	Thuế khác	10	111%	10	111%

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

CĂN CỨ HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH

Xây dựng quy trình đánh giá năng lực: là nền tảng giúp doanh nghiệp phát triển, bổ sung, đào tạo và giữ nhân tài; Xây dựng được đội ngũ kế thừa trong tương lai.

Gia tăng mức độ nhận diện thương hiệu VNTT-ONE-STOP-SHOP ở các đối tượng: khách hàng các khu công nghiệp tại Bình Dương, các tổ chức dịch vụ tài chính (FSI), đối tác công nghệ đa quốc gia, Sở Ban Ngành Bình Dương.

Đẩy mạnh hợp tác với VNPT Bình Dương để mở rộng lĩnh vực hợp tác để thể hiện vai trò đối tác chiến lược của hai bên.

Số hóa và mở rộng hoạt động chăm sóc khách hàng của toàn Công ty (các lĩnh vực DVVT, MEP, ICT, IT solutions): cơ cấu nhân sự hỗ trợ chuyên biệt, xây dựng hệ thống phối hợp, đào tạo nghiệp vụ.

Chuẩn hóa đội ngũ phát triển thị trường, tiếp thị và kinh doanh cho toàn công ty, phục vụ nhu cầu mở rộng thị trường kinh doanh.

Xây dựng chương trình chuẩn hóa năng lực cán bộ công nhân viên, chính sách nhân sự, chính sách bán hàng đảm bảo tính đồng bộ, hướng tới khoán hoạt động để tăng tính chủ động của các line kinh doanh.

Xây dựng lĩnh vực kinh doanh mới cho các sản phẩm kinh doanh thuộc thành phố thông minh và sản xuất thông minh để từng bước chiếm lĩnh thị trường Bình Dương và rộng hơn ra cả nước.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

04 BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám

đốc Công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng

quản trị

Năm 2022, một năm chịu nhiều khó khăn do tình trạng lạm phát cao khiến chi đầu vào và chi phí nhân công tăng cao, làm ảnh hưởng trực tiếp tới chi phí hoạt động biên lợi nhuận của Công ty.

Vượt lên khó khăn do ảnh hưởng bởi dịch Covid19 của năm 2021, HĐQT đã thể hiện được vai trò chỉ đạo bằng các chủ trương, thể hiện thông qua các nghị quyết của HĐQT để kịp thời ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh.

Nội bộ HĐQT đoàn kết và có tâm huyết, nhạy bén với sự thay đổi của môi trường SXKD, đầu tư nhiều thời gian và trí lực để đề ra các chủ trương nghị quyết kịp thời đúng đắn. Đặc biệt là luôn đi sâu tìm hiểu nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động của công ty, sự phối hợp trong bộ máy chuyên môn từ Công ty xuống các đơn vị để chỉ đạo kịp thời, giúp bộ máy điều hành hoạt động hiệu quả. Chỉ đạo chuyên môn hoàn thiện các quy chế và dự thảo điều lệ trình đại hội theo Luật Doanh nghiệp năm 2020.

Trước những khó khăn trong năm vừa qua với sự đoàn kết nhất trí cao trong HĐQT; kịp thời xử lý và tháo gỡ các khó khăn, khi Ban điều hành đề xuất ý kiến; định hướng chiến lược ngắn hạn, trung hạn cho sự phát triển của Công ty.

Nhìn lại năm 2022, hoạt động kinh doanh của Công ty bắt đầu có dấu hiệu phục hồi sau đại dịch. Mặc dù nền kinh tế gặp nhiều khó khăn, lạm phát tăng cao làm cho chi phí hoạt động tăng theo, ban điều hành đã cố gắng nỗ lực thực hiện các chỉ đạo, nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty với quyết tâm đảm bảo hoạt động kinh doanh, đảm bảo việc làm và đời sống của cán bộ, công nhân viên chức trong Công ty. Toàn thể cán bộ, công nhân viên chức của Công ty đã thực hiện tốt việc bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng. VNTT luôn cố gắng tuân thủ chấp hành quy định pháp luật về việc tiêu thụ nước và năng lượng điện.



Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc và Ban điều hành của Công ty được thực hiện đúng theo Quy chế quản lý nội bộ, Điều lệ Công ty và pháp luật liên quan. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc và Ban Điều hành được thực hiện thông qua các hình thức như: tổ chức các cuộc họp do HĐQT chủ trì, tham gia các cuộc họp định kỳ do Tổng Giám đốc tổ chức, thông qua các báo cáo của Tổng Giám đốc.

Thông qua hoạt động giám sát cho thấy năm 2022, Tổng Giám đốc đã tổ chức điều hành hoạt động SXKD của Công ty đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty cũng như thực hiện đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Tổng Giám đốc đã thực hiện đầy đủ việc cung cấp thông tin, tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát tiếp cận, kiểm tra tình hình tài chính và các hoạt động khác của Công ty.

Với những kết quả đã đạt được, HĐQT đánh giá cao công tác điều hành của Tổng Giám đốc và Ban điều hành trong năm 2022 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 để ra.

Hội đồng quản trị phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát thực hiện giám sát và hỗ trợ Ban điều hành nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm soát, tính phù hợp và tin cậy của Báo cáo tài chính cũng như quản trị doanh nghiệp.



CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2023

Hội đồng quản trị Công ty VNTT thống nhất các chỉ tiêu Kế hoạch kinh doanh năm 2023 như sau:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Thực hiện 2022		Kế hoạch 2023		% KH 2023/TH2022	
		Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất
1	Tổng doanh thu, thu nhập khác	387.684	392.352	389.000	400.000	100,3%	101,9%
2	Tổng chi phí	346.408	349.029	345.000	356.500	99,6%	102,1%
3	Lợi nhuận trước thuế	41.276	43.323	44.000	43.500	106,6%	100,4%
4	Lợi nhuận sau thuế	33.018	33.554	35.000	34.000	106,0%	101,3%

KẾ HOẠCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

Hội đồng quản trị Công ty thống nhất định hướng một số nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện trong năm 2023 như sau:

- Về mảng kinh doanh Viễn thông:

- Tiếp tục bám sát các kế hoạch đầu tư các dự án của các chủ đầu tư khu công nghiệp và khu đô thị để đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ việc cung cấp dịch vụ viễn thông cho khách hàng kịp thời với chất lượng tốt nhất;
- Đẩy mạnh hợp tác chiến lược với Tập đoàn VNPT nói chung và VNPT Bình Dương nói riêng, ưu tiên mở rộng các lĩnh vực dịch vụ giá trị gia tăng trên nền tảng Viễn thông, các dịch vụ chuyển đổi số và xây dựng các ứng dụng Thành phố Thông minh;
- Đánh giá và nâng cao chất lượng dịch vụ Viễn thông đáp ứng yêu cầu của khách hàng để củng cố uy tín, nâng cao giá trị thương hiệu của VNTT.

- Về mảng kinh doanh MEP và ICT:

- Dịch chuyển từ định hướng kinh doanh thi công các dự án đơn lẻ sang cung cấp dịch vụ lâu dài cho các khách hàng hiện hữu, đẩy mạnh phát triển thị trường ra khỏi hệ thống các khu công nghiệp của Becamex và VSIP.

- Mở rộng lĩnh vực sản phẩm và giải pháp về Thành phố Thông minh và Sản xuất Thông minh:

- Đầu tư nghiên cứu phát triển, hợp tác để cung cấp các giải pháp cho Thành phố Thông minh và Sản xuất Thông minh, gia tăng cơ cấu doanh thu từ nhóm ngành này.

- Hình thành lực lượng phát triển thị trường, tiếp thị và kinh doanh chuyên biệt, phục vụ nhu cầu mở rộng và chiếm lĩnh thị trường mới.

- Củng cố mô hình quản trị doanh nghiệp đáp ứng các yêu cầu của một doanh nghiệp đại chúng, chuẩn hóa năng lực chuyên môn của từng vị trí công việc để làm cơ sở cho việc thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tham gia VNTT.





05 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

VNTT cam kết thực hiện các hoạt động kinh doanh có trách nhiệm với cộng đồng, bảo vệ môi trường và đảm bảo sức khỏe cho nhân viên và khách hàng. Đảm bảo chất lượng dịch vụ đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng, giúp khách hàng sử dụng được các dịch vụ và sản phẩm tốt nhất. Sử dụng các công nghệ tiên tiến, hiệu quả về mặt năng lượng và thân thiện với môi trường trong quá trình lắp đặt và vận hành dịch vụ viễn thông. Tạo ra giá trị cho cộng đồng thông qua các hoạt động xã hội, đóng góp vào các hoạt động cộng đồng, bảo vệ môi trường và các hoạt động hỗ trợ khác.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

VNTT hiểu rằng doanh nghiệp là một phần nhỏ của nền kinh tế và là chủ thể tích cực trong xã hội, vì vậy trách nhiệm đối với môi trường không chỉ dừng lại ở các nghĩa vụ đạo đức hay giá trị về mặt hình ảnh mà còn là trách nhiệm thực chất và nội tại. Do đó, Công ty luôn coi trách nhiệm với môi trường cũng là trách nhiệm của mình.

- Công ty luôn có các giải pháp nhằm ngăn ngừa những yếu tố làm ảnh hưởng đến môi trường xung quang.
- Sử dụng tiết kiệm các nguồn tài nguyên: nước sạch, năng lượng. Công ty có hệ thống xử lý nước thải và khắc phục sự cố môi trường, tự giác quản lý thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại đối với môi trường và sức khỏe cộng đồng.
- Nâng cao ý thức tiết kiệm và bảo vệ môi trường đối với toàn thể nhân viên, tư vấn và hướng khách hàng đến việc sử dụng các sản phẩm thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng.
- Công ty tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật về bảo vệ môi trường, mức tiêu thụ nước cũng như năng lượng điện ở mức vừa phải và các loại phát thải chỉ loại thông thường và ở mức không đáng kể.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty luôn nỗ lực để có được sự ủng hộ, cống hiến và hợp tác lâu dài với người lao động thông qua sự quan tâm, tạo điều kiện tốt nhất cho người lao động. VNTT cố gắng giữ chân, thu hút và phát huy được năng lực của nguồn nhân sự, nhất là người lao động có kinh nghiệm. Nhờ đó hoạt động kinh doanh mới có thể duy trì được sự tăng trưởng cao và bền vững:

- Cán bộ công nhân viên được nghỉ phép, lễ, Tết theo quy định của Nhà nước.
- VNTT tạo môi trường làm việc an toàn, xanh, sạch, đẹp, đảm bảo việc làm ổn định, người lao động được quan tâm cả đời sống vật chất lẫn tinh thần.
- Xây dựng các chính sách lương thưởng, phúc lợi phù hợp với năng lực của từng cán bộ công nhân viên, nhằm duy trì được tinh thần làm việc hăng say cũng như giữ chân được những cá nhân có trình độ chuyên môn tốt, sẵn sàng gắn bó lâu dài với Công ty.
- Hằng năm, Công ty tổ chức thăm và tặng quà cho những hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn vào dịp Tết Nguyên đán và cho các em nhỏ vào dịp Tết Trung thu.
- Công ty chăm lo đầy đủ các chính sách cho người lao động về an toàn lao động, an toàn sức khỏe cũng như trả lương định kỳ, đúng hạn và chưa để xảy ra bất cứ tai nạn lao động nào.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Sự ủng hộ, tin tưởng của cộng đồng và xã hội là một trong những nhiệm vụ quan trọng góp phần thúc đẩy sự phát triển lâu dài của Công ty. Chính vì vậy, VNTT luôn sẵn sàng đồng hành cùng các chương trình mang ý nghĩa cộng đồng; chung tay hỗ trợ những hoàn cảnh khó khăn, tạo điều kiện để các gia đình, cá nhân có cơ hội vươn lên trong cuộc sống, cùng chia sẻ thành quả vật chất, tinh thần với cộng đồng địa phương. Thực hiện các hoạt động cộng đồng, xã hội như quyên góp các quỹ từ thiện; ủng hộ người nghèo và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, nhằm phần nào chia sẻ những khó khăn với cộng đồng, xã hội.

MỨC TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Nguồn năng lượng	ĐVT	Mức năng lượng sử dụng
Điện năng tiêu thụ	kW	3.723.300
Lượng nước sử dụng	m ³	858



06 QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

Đánh giá tình hình tuân thủ quản trị Công ty

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các cuộc họp và hoạt động của Hội đồng quản trị đã được tổ chức và tiến hành theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Các nghị quyết được thảo luận và thông qua tại các cuộc họp HĐQT thuộc chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Giang Quốc Dũng	Chủ tịch HĐQT	16/16	100%	
2	Ông Phạm Tuấn Anh	Phó Chủ tịch HĐQT	8/16	50%	Bổ nhiệm chức thành viên HĐQT từ ngày 20/04/2022
3	Bà Võ Thị Thanh Hương	Thành viên HĐQT	16/16	100%	
4	Ông Quang Viết Cường	Thành viên HĐQT	16/16	100%	
5	Ông Nguyễn Bá Thước	Thành viên HĐQT	16/16	100%	

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị thực hiện hoạt động giám sát đối với Ban Giám đốc Công ty thông qua Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động HĐQT và Ban kiểm soát, Quy chế phân quyền cho Tổng giám đốc. Thông qua phần mềm văn phòng điện tử eOffice, Hội đồng quản trị theo dõi sát tình hình hoạt động của Công ty, giám sát và có chỉ đạo định hướng, hỗ trợ kịp thời cho Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT cũng như những vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo đúng với Quy định của Công ty và pháp luật.

Năm 2022, Hội đồng quản trị tổ chức 16 cuộc họp HĐQT để triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT cũng như các báo cáo và đề xuất của Ban Giám đốc tại cuộc họp HĐQT.

Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2022/NQ-HDQT	05/01/2022	Triển khai phương án phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động.
2	02/2022/NQ-HDQT	25/02/2022	Thông qua kết quả chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu. Thông qua việc phân phối số cổ phần các cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết.
3	03/2022/NQ-HDQT	28/02/2022	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHCĐ TN năm 2022, thời gian và địa điểm dự kiến tổ chức ĐHCĐ TN 2022.
4	04/2022/NQ-HDQT	01/03/2022	Thông qua việc vay vốn ngắn hạn, trung dài hạn, bảo lãnh ...

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
5	05/2022/NQ-HDQT	15/03/2022	Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phân phối tiếp.
6	06/2022/NQ-HDQT	22/03/2022	Thông qua kết quả chào bán cổ phần theo chương trình lựa chọn người lao động.
7	07/2022/NQ-HDQT	29/03/2022	Thông qua tài liệu họp ĐHCĐ TN năm 2022.
8	08/2022/NQ-HDQT	12/04/2022	Thông qua việc miễn nhiệm Tổng Giám đốc và bổ nhiệm Tổng Giám đốc.
9	09/2022/NQ-HDQT	20/04/2022	Thông qua việc bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT.
10	10/2022/NQ-HDQT	25/04/2022	Thông qua việc bổ nhiệm Phó Chủ tịch HĐQT.
11	11/2022/NQ-HDQT	24/06/2022	Thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong 5 tháng đầu năm 2022, ước tính 6 tháng và ước thực hiện cả năm 2022. Thông qua việc Hội đồng quản trị (HĐQT) giao cho Ông Dương Ngọc Hoàng Vũ, Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật của Công ty ký kết các hợp đồng thế chấp, tín dụng, cấp bảo lãnh,...
12	12/2022/NQ-HDQT	11/08/2022	Miễn nhiệm chức vụ Tổng giám đốc đối với Ông Dương Ngọc Hoàng Vũ kể từ ngày 11/8/2022. Bổ nhiệm Ông Phạm Tuấn Anh – Phó Chủ tịch HĐQT giữ chức vụ Tổng giám đốc kể từ ngày 11/08/2022.
13	13/2022/NQ-HDQT	29/8/2022	Chốt danh sách cổ đông chi trả cổ tức năm 2021.
14	14/2022/NQ-HDQT	19/09/2022	HĐQT chấp thuận cho Công ty vay vốn ngắn, trung dài hạn.
15	15/2022/NQ-HDQT	09/11/2022	Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc tại Công ty đối với Ông Ngô Duy Khang. Miễn nhiệm và bổ nhiệm các chức danh tại Công ty TNHH Giải pháp VNTT (VNTTS).
16	16/2022/NQ-HDQT	09/12/2022	Bổ nhiệm Ông Đặng Thanh Tùng – Trưởng phòng Dự án Công ty kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc của Công ty VNTTS kể từ ngày 09/12/2022.

CÁC TIÊU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ: không có

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã tập trung thực hiện các hoạt động sau:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- Thẩm định báo cáo tài chính soát xét 6 tháng và BCTC kiểm toán năm của VNTT nhằm đánh giá tính trung thực, khách quan, hợp lý của các số liệu tài chính phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách hiện hành.
- Giám sát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin, đảm bảo lợi ích cho cổ đông và các chức năng khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Trưởng BKS	2/2	100%	
2	Ông Nguyễn Hải Hoàng	Thành viên BKS	2/2	100%	
3	Ông Lê Đức Thịnh	Thành viên BKS	2/2	100%	

Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp để:

- Thống nhất thông qua dự thảo Báo cáo Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
- Bầu các chức danh trong Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027.
- Thẩm định Báo cáo tài chính bán niên năm 2022, các đánh giá của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2022.
- Đánh giá: Các thành viên ban kiểm soát đã nghiêm túc thực hiện nghĩa vụ kiểm tra giám sát hoạt động của Công ty VNTT theo đúng điều lệ và quy định hiện hành.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG

Ban kiểm soát Công ty thực hiện nghiêm túc việc giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính - kế toán, đảm bảo tính hợp pháp trong các hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cổ đông, và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

Giám sát hoạt động công bố thông tin của Công ty đảm bảo tuân thủ quy định về công bố thông tin đối với Công ty đại chúng.

Tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị và đóng góp ý kiến, kiến nghị trong việc giám sát hoạt động tổ chức và điều hành kinh doanh của công ty trong các cuộc họp.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc hỗ trợ cung cấp tài liệu/thông tin kịp thời cho Ban kiểm soát trong quá trình thực hiện chức năng và nhiệm vụ.

ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Tổng Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng và Người phụ trách quản trị Công ty tham gia các khóa học pháp lý quản trị chuyên sâu dành cho Công ty đại chúng/niêm yết.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và tên	Chức danh	Lương	Thù lao	Thưởng
I	Hội đồng quản trị			440.000.000	
1	Ông Giang Quốc Dũng	CT HĐQT	80.000.000	115.000.000	86.398.370
2	Ông Phạm Tuấn Anh	Phó CT HĐQT kiêm TGD	-	30.000.000	-
3	Bà Võ Thị Thanh Hương	Thành viên HĐQT	-	105.000.000	-
4	Ông Nguyễn Bá Thước	Thành viên HĐQT	-	95.000.000	-
5	Ông Quảng Văn Viết Cường	Thành viên HĐQT	-	95.000.000	-
II	Ban kiểm soát			100.000.000	
1	Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Trưởng ban kiểm soát	-	60.000.000	-
2	Ông Nguyễn Hải Hoàng	Thành viên BKS	-	20.000.000	-
3	Ông Lê Đức Thịnh	Thành viên BKS	-	20.000.000	-
III	Các thành viên khác		1.302.602.174	700.000.000	811.679.220

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Giang Quốc Dũng	Chủ tịch HĐQT	0	0%	72.287	0,20%	Mua CP phát hành cho CĐHH chưa đăng ký mua hết
2	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP (Becamex IDC)	Tổ chức có liên quan của Người nội bộ	11.896.400	48,59%	17.844.600	48,59%	Mua CP phát hành CP cho CĐHH
3	Huỳnh Kim Thảo	Người liên quan Chủ tịch HĐQT	35.000	0,14%	52.500	0,14%	Mua CP phát hành CP cho CĐHH
4	Võ Thị Thanh Hương	Thành viên HĐQT	13.760	0,06%	55.640	0,15%	Mua CP phát hành CP cho CĐHH và Mua CP phát hành cho CĐHH chưa đăng ký mua hết
5	Nguyễn Bá Thước	Thành viên HĐQT	0	0%	30.000	0,08%	Mua CP phát hành cho CĐHH chưa đăng ký mua hết
6	Quảng Văn Viết Cường	Thành viên HĐQT	30.000	0,12%	75.000	0,20%	Mua CP phát hành CP cho CĐHH và Mua CP phát hành cho CĐHH chưa đăng ký mua hết
7	Phạm Thị Lan Thảo	Người liên quan của thành viên HĐQT	10.000	0,04%	15.000	0,04%	Mua CP phát hành CP cho CĐHH
8	Công ty CP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (IJC)	Tổ chức có liên quan của người nội bộ	0	0%	1.700.000	4,63%	Mua CP phát hành cho CĐHH chưa đăng ký mua hết
9	Nguyễn Thị Thùy Dương	Trưởng ban kiểm soát	0	0%	20.000	0,05%	Mua CP phát hành cho CĐHH chưa đăng ký mua hết
10	Lê Xuân Vinh	Phó Tổng giám đốc	0	0%	32.900	0,09%	Mua CP phát hành cho CĐHH chưa đăng ký mua hết
11	Lai Xuân Nghĩa	Phó Tổng giám đốc	0	0%	30.400	0,08%	Mua CP phát hành cho CĐHH chưa đăng ký mua hết
12	Ngô Duy Khang	Phó Tổng Giám đốc	0	0%	28.300	0,08%	Mua CP phát hành cho CĐHH chưa đăng ký mua hết
13	Nguyễn Văn Phúc	Kế toán trưởng	0	0%	30.400	0,08%	Mua CP phát hành cho CĐHH chưa đăng ký mua hết
14	Lê Thị Xuân Diệu	Người phụ trách quản trị Công ty, Thư ký HĐQT	0	0%	20.000	0,05%	Mua CP phát hành cho CĐHH chưa đăng ký mua hết



GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Tên Công ty	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy ĐKKD, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính	Thời điểm giao dịch với công ty	Số hợp đồng/biên bản thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung HĐ	Tổng giá trị giao dịch(VNĐ)
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	Cổ đông lớn, tổ chức có liên quan của người nội bộ	3700145020, Ngày cấp: 01/02/2018, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.	Số 8, Đường Hùng Vương, Phường Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	19/01/2022	45/11/2022/HĐVT/HĐ	Mua cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu	59.482.000.000
				10/11/2022	74/10/2022/HĐVT/HĐ	Cung cấp nhân công lao động	97.200.000
				25/10/2022	17/10/2022/HĐVT/HĐ	Cung cấp nhân công lao động	216.000.000
				06/10/2022	66/10/2022/HĐVT/HĐ	Xử lý sự cố MBA-320KVA cấp nguồn nhà máy xử lý nước thải Mỹ Phước 2	30.889.080
				06/10/2022	21/10/2022/HĐVT/HĐ	Thu hồi đường dây hạ thế tạm phục vụ thi công xường thực tập sinh viên	28.582.200

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TUÂN THỦ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công tác Quản trị Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt theo các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo mọi hoạt động của Công ty luôn minh bạch và suôn sẻ.

Trong năm 2022, mục tiêu của VNTT là phát triển năng lực quản trị công ty và giá trị nội tại của công ty, hoàn thiện và nâng cao hoạt động của các bộ phận nội bộ, đảm bảo lợi ích chung của cổ đông trong việc thực hiện các quyền của mình. Thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các trưởng bộ phận được khuyến khích tham gia các chương trình đào tạo để cập nhật kiến thức, nâng cao kinh nghiệm và năng lực quản trị.

07 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kiểm toán

Thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		347.425.730.117	310.747.127.080
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	81.342.264.317	30.403.115.318
1. Tiền	111		20.842.264.317	15.403.115.318
2. Các khoản tương đương tiền	112		60.500.000.000	15.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.500.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	10.500.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		129.151.604.462	105.843.223.599
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	111.243.159.678	84.874.342.358
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	5.807.599.133	10.277.292.656
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	16.001.464.870	14.887.591.000
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(3.900.619.219)	(4.196.002.415)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	123.835.493.958	172.479.961.792
1. Hàng tồn kho	141		123.835.493.958	172.479.961.792
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.596.367.380	2.020.826.371
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	2.079.190.441	1.564.850.787
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	517.176.939	455.975.584
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		180.995.648.024	176.008.400.573
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		184.684.754	154.345.036
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	184.684.754	154.345.036
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		131.254.047.036	134.751.511.801
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	119.786.441.120	125.443.642.996
- Nguyên giá	222		319.607.431.893	288.331.816.025
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(199.820.990.773)	(162.888.173.029)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	11.467.605.916	9.307.868.805
- Nguyên giá	228		21.477.719.519	18.065.393.157
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.010.113.603)	(8.757.524.352)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		39.148.146.057	29.747.915.968
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	39.148.146.057	29.747.915.968
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		10.408.770.177	11.354.627.768
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	10.408.770.177	10.944.607.596
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	-	410.020.172
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		528.421.378.141	486.755.527.653

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		87.904.871.323	176.070.739.226
I. Nợ ngắn hạn	310		72.956.539.438	159.497.772.521
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	17.231.042.677	38.354.166.805
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	4.828.145.109	7.558.719.642
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	6.604.684.759	3.369.183.850
4. Phải trả người lao động	314	V.16	8.601.367.712	7.135.960.883
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	6.558.143.814	11.977.447.653
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	11.386.213.460	9.396.890.681
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	10.696.069.897	11.098.987.907
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	3.000.000.000	67.624.995.879
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.21a	2.243.920.197	1.498.615.598
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	1.806.951.813	1.482.803.623
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		14.948.331.885	16.572.966.705
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.18	639.160.977	1.281.957.863
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	6.140.769.782	5.377.513.058
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	6.676.271.500	9.676.271.500
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.23	1.101.214.991	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.21b	390.914.635	237.224.284
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

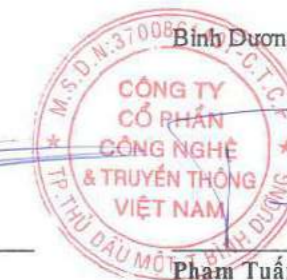
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		440.516.506.818	310.684.788.427
I. Vốn chủ sở hữu	410		440.516.506.818	310.684.788.427
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.24	367.275.000.000	244.850.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		367.275.000.000	244.850.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.24	(382.600.000)	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.24	39.544.795.990	38.260.480.469
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.24	439.285.060	439.285.060
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.24	33.640.025.768	27.135.022.898
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		86.393.447	27.135.022.898
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		33.553.632.321	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		528.421.378.141	486.755.527.653

Bình Dương, ngày 30 tháng 3 năm 2023

 Vi Ngọc Đại
 Người lập

 Nguyễn Văn Phúc
 Kế toán trưởng

 Phạm Tuấn Anh
 Tổng Giám đốc


CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	387.948.150.051	298.162.316.207
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	387.948.150.051	298.162.316.207
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	305.774.192.623	228.986.494.515
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		82.173.957.428	69.175.821.692
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.824.555.756	2.942.863.715
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.078.533.920	4.847.188.851
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.068.478.726	4.821.173.263
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	15.116.341.628	12.031.467.917
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	26.049.651.991	26.838.458.498
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		40.753.985.645	28.401.570.141
12. Thu nhập khác	31	VI.7	2.578.690.531	3.977.641.141
13. Chi phí khác	32		9.494.150	53.265.558
14. Lợi nhuận khác	40		2.569.196.381	3.924.375.583
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		43.323.182.026	32.325.945.724
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	8.258.314.542	7.049.655.474
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.8	1.511.235.163	(410.020.172)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		33.553.632.321	25.686.310.422
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		33.553.632.321	25.686.310.422
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	854	935
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	854	935

Bình Dương, ngày 30 tháng 3 năm 2023



Vi Ngọc Đại
Người lập

Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng

Phạm Tuấn Anh
Tổng Giám đốc



TOTRINH23040168

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		43.323.182.026	32.325.945.724
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10	38.337.774.574	33.910.158.159
- Các khoản dự phòng	03	V.6, V.21	603.611.754	(600.298.554)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	(17.015.951)	(3.767.128)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3;VI.7	(1.757.715.741)	(2.913.732.873)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	2.068.478.726	4.821.173.263
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		82.558.315.388	67.539.478.591
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(22.284.687.861)	(6.840.048.634)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		48.644.467.834	(30.570.375.468)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(19.691.912.650)	(1.130.978.302)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		21.497.765	(526.687.229)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.17;VI.4	(2.511.105.183)	(4.827.604.871)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(7.755.792.302)	(10.347.553.052)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19;V.22; V.24	(2.673.933.540)	(6.030.733.644)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		76.306.849.451	7.265.497.391
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9;V.11;VI. I	(48.243.073.572)	(28.526.975.631)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.9;VI.7, VII	86.574.074	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(21.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	10.500.000.000	50.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5;VI.3	1.099.037.974	2.974.910.955
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(57.557.461.524)	24.447.935.324

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.24	122.042.400.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20	28.755.687.215	187.473.039.466
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(96.380.683.094)	(172.592.075.575)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19;V.24	(22.244.659.000)	(27.602.913.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		32.172.745.121	(12.721.949.109)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		50.922.133.048	18.991.483.606
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	30.403.115.318	11.407.864.584
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		17.015.951	3.767.128
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	81.342.264.317	30.403.115.318

Bình Dương, ngày 30 tháng 3 năm 2023



Vi Ngọc Đại
Người lập

Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng

Phạm Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



TOTRINH23040168

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin và tích hợp hệ thống; Khảo sát, tư vấn và thi công, lắp đặt các công trình: viễn thông, công nghệ thông tin và tự động; công trình điện, điện tử, công trình điện lạnh, công trình cấp thoát nước, công trình phòng cháy chữa cháy; Phân phối, đại lý kinh doanh hàng hóa và thiết bị: điện, điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin, vật liệu xây dựng, văn phòng và dân dụng, kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

Công ty mẹ chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Giải pháp VNTT có trụ sở chính tại số 2, đường Tiên Phong 3, Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ – Đô thị Bình Dương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là xuất bản phần mềm. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702979423 đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 5 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, tỷ lệ vốn góp của Công ty mẹ tại công ty con này là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty mẹ đã góp đủ vốn điều lệ đã đăng ký.

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Trung tâm Dịch vụ Viễn thông - Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 2, đường Tiên Phong 3, Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ – Đô thị Bình Dương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
Văn phòng đại diện tại TP. Hải Phòng – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 3, Đường Bắc Nam, Khu đô thị, Công nghiệp và Dịch vụ VSIP Hải Phòng, Xã An Lữ, Huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng.
Văn phòng đại diện tại Quảng Ngãi – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 8 Đại lộ Hữu Nghị, Khu công nghiệp Việt Nam Singapore, Xã Tịnh Phong, Huyện Sơn Tịnh, Tỉnh Quảng Ngãi.
Văn phòng đại diện tại Nghệ An – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 11, Đường số 1, Khu công nghiệp VSIP Nghệ An, Xã Hưng Tây, Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu trong ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 307 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 328 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Các công ty trong Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng mà các công ty trong Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng mà các công ty trong Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ru đũa bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu cước dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, truyền hình trả sau, bán lẻ hàng hóa theo hình thức trả chậm/trả góp của các cá nhân đã quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 tháng đến dưới 06 tháng.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 09 tháng.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 09 tháng đến dưới 12 tháng.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 12 tháng trở lên.
- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán khác:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí thuê đất; vật tư, thiết bị khảo sát và chi phí xây dựng, sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí thuê đất

Chi phí thuê đất là khoản tiền thuê đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Chi phí thuê đất được phân bổ theo thời hạn qui định trên hợp đồng thuê đất.

Vật tư, thiết bị khảo sát

Vật tư, thiết bị lắp đặt công trình đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 05 năm.

Chi phí xây dựng, sửa chữa

Chi phí xây dựng, sửa chữa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

370
 CÔNG
 CỔ
 PHẦN
 TRUY
 THÔNG
 VIỆT
 NAM
 1.498
 CÔNG
 NGHỆ
 VÀ
 TRUYỀN
 THÔNG
 VIỆT
 NAM
 (T.P)

186
 CÔNG
 CỔ
 PHẦN
 TRUY
 THÔNG
 VIỆT
 NAM
 (T.P)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	02 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 05

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 - 06 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

14. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn chỉ có dự phòng bảo hành công trình xây dựng. Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 03% trên tổng giá trị công trình (năm trước là 03%). Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

17. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

18. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

19. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Tập đoàn đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

20. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.



TOTRINH23040168



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

22. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	649.748.644	792.771.036
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.192.515.673	14.610.344.282
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	60.500.000.000	15.000.000.000
Cộng	81.342.264.317	30.403.115.318

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng đến dưới 12 tháng.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	89.441.092.044	64.217.890.594
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	31.587.644.319	20.507.475.163
Công ty Cổ phần SetiaBecamex	11.172.760.650	19.100.070.594
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore	8.299.201.780	10.307.161.477

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	9.402.385.689	4.779.727.531
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước	20.698.422.819	3.331.302.886
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước	2.957.445.659	3.017.514.654
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	1.559.445.543	2.290.782.343
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	582.838.283	247.423.763
Công ty TNHH Becamex Tokyo	45.112.178	267.828.713
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	733.455.832	231.940.138
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex	4.745.400	80.745.500
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	452.976.897	30.489.498
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương	1.650.000	18.150.000
Công ty Cổ phần Bệnh Viện Mỹ Phước	1.337.115.328	5.628.334
Công ty Cổ phần Dược Enlie	1.650.000	1.650.000
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định	6.666.667	
Phải thu các khách hàng khác	22.399.642.634	20.656.451.764
Cộng	111.243.159.678	84.874.342.358

4. Trả trước cho người bán khác ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi nhánh Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Bưu điện	2.596.723.593	2.596.723.593
Công ty TNHH Schneider Electric Việt Nam	-	4.542.420.960
Công ty Điện lực Bình Dương	287.749.174	487.200.050
Công ty Cổ phần Cấp điện Thịnh Phát	899.901.038	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng La Giang	527.272.416	
Các nhà cung cấp khác	1.495.952.912	2.650.948.053
Cộng	5.807.599.133	10.277.292.656

5. Phải thu khác
5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	453.878.200	-	475.358.528	-
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông - Ký quỹ ngắn hạn	453.878.200	-	12.000.000	-
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore - Ký quỹ ngắn hạn	-	-	9.480.328	-
Ông Lê Xuân Vinh - Tạm ứng	-	-	453.878.200	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	15.547.586.670	(2.309.450.910)	14.412.232.472	(2.309.450.910)
Tạm ứng	13.952.737.442	(2.309.450.910)	10.872.237.087	(2.309.450.910)
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	189.723.635	-	180.523.635	-
Lãi dự thu	604.663.247	-	13.427.133	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	800.462.346	-	3.346.044.617	-
Cộng	16.001.464.870	(2.309.450.910)	14.887.591.000	(2.309.450.910)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	89.105.328	-	18.625.000	-
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore - Ký quỹ dài hạn	27.105.328	-	17.625.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật - Ký quỹ dài hạn	1.000.000	-	1.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước - Ký quỹ dài hạn	10.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định - Ký quỹ dài hạn	51.000.000	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	95.579.426	-	135.720.036	-
Ký cược, ký quỹ dài hạn	95.579.426	-	135.720.036	-
Cộng	184.684.754	-	154.345.036	-

6. Nợ xấu

Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ phải thu của các khách hàng là cá nhân				
Từ 03 đến 06 tháng	978.000	684.600	38.418.619	26.496.539
Từ 06 đến 09 tháng	20.502.696	10.251.348	44.470.861	22.235.431
Từ 09 đến 12 tháng	43.327.364	12.998.209	49.485.967	14.845.790
Trên 12 tháng	710.918.335	-	976.269.263	-
Tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ phải thu của các khách hàng là tổ chức				
Dưới 01 năm	27.853.675	19.497.573	3.797.934	2.658.554
Từ trên 01 năm đến dưới 02 năm	19.079.439	9.539.720	83.201.667	41.600.834
Từ trên 02 năm đến dưới 03 năm	60.853.058	18.255.917	122.994.451	36.898.335
Trên 03 năm	505.283.182	-	439.875.286	-
Tiền tạm ứng phải thu của các cá nhân				
Trên 03 năm	2.309.450.910	-	2.309.450.910	-
Tiền trả trước cho các nhà cung cấp				
Từ trên 01 năm đến dưới 02 năm	273.599.927	-	-	-
Từ trên 02 đến dưới 03 năm	-	-	1.653.974	826.986
Trên 03 năm	-	-	271.945.952	-
Cộng	3.971.846.586	71.227.367	4.341.564.884	145.562.469



TOTRINH23040168

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.196.002.415	4.051.067.567
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng	(295.383.196)	144.934.848
Số cuối năm	3.900.619.219	4.196.002.415

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	25.688.230.462	-	31.458.495.828	-
Công cụ, dụng cụ	347.317.118	-	768.218.095	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	54.157.803.919	-	86.743.056.849	-
Hàng hóa bất động sản	43.625.176.589	-	53.486.471.125	-
Hàng hóa	16.965.870	-	23.719.895	-
Cộng	123.835.493.958	-	172.479.961.792	-

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	687.490.023	627.690.489
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.391.700.418	937.160.298
Cộng	2.079.190.441	1.564.850.787

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	1.806.567.743	2.391.272.028
Chi phí thuê đất	6.832.142.702	7.032.176.318
Vật tư, thiết bị khấu sát	42.312.180	29.065.140
Chi phí xây dựng, sửa chữa	371.593.200	637.915.550
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.356.154.352	854.178.560
Cộng	10.408.770.177	10.944.607.596

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
	Nguyên giá					
Số đầu năm	18.997.477.057	205.548.692.614	61.410.080.423	1.536.496.009	839.069.922	288.331.816.025
Mua trong năm	-	708.506.000	-	40.722.545	-	749.228.545
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	857.446.270	18.926.003.378	12.553.820.611	-	178.798.882	32.516.069.141
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(171.500.000)	-	-	(171.500.000)
Xuất trả lại	(1.818.181.818)	-	-	-	-	(1.818.181.818)
Số cuối năm	18.036.741.509	225.183.201.992	73.792.401.034	1.577.218.554	1.017.868.804	319.607.431.893
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.502.299.208	24.113.831.063	8.706.694.338	636.269.837	701.627.000	35.660.721.446
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	6.719.557.342	121.612.136.055	32.992.571.447	967.009.677	596.898.508	162.888.173.029
Khấu hao trong năm	1.083.610.899	27.718.217.585	7.966.185.857	247.466.293	174.299.019	37.189.779.653
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(152.367.579)	-	-	(152.367.579)
Xuất trả lại	(104.594.330)	-	-	-	-	(104.594.330)
Số cuối năm	7.698.573.911	149.330.353.640	40.806.389.725	1.214.475.970	771.197.527	199.820.990.773

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	12.277.919.715	83.936.556.559	28.417.508.976	569.486.332	242.171.414	125.443.642.996
Số cuối năm	10.338.167.598	75.852.848.352	32.986.011.309	362.742.584	246.671.277	119.786.441.120

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

-

Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 22.477.252.417 VND và 3.515.687.701 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương (xem thuyết minh số V.20).

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	3.889.485.692	14.175.907.465	18.065.393.157
Mua trong năm	-	3.412.326.362	3.412.326.362
Số cuối năm	3.889.485.692	17.588.233.827	21.477.719.519
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	8.188.487.917	8.188.487.917
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	8.757.524.352	8.757.524.352
Khấu hao trong năm	-	1.252.589.251	1.252.589.251
Số cuối năm	-	10.010.113.603	10.010.113.603

Giá trị còn lại

Số đầu năm 3.889.485.692 5.418.383.113 9.307.868.805

Số cuối năm 3.889.485.692 7.578.120.224 11.467.605.916

Trong đó:

Tạm thời không sử dụng

Đang chờ thanh lý

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	1.652.000.000	2.591.940.000	(526.990.000)	(578.150.000)	3.138.800.000
Xây dựng cơ bản dở dang	28.095.915.968	46.394.947.937	(35.401.405.503)	(3.080.112.345)	36.009.346.057
- Hạng mục xây dựng, cải tạo phòng giao dịch Mỹ Phước 3	1.032.313.167	118.148.317	(1.115.851.167)	-	34.610.317
- Hạng mục đầu tư hạ tầng mạng Viễn thông cho các Khu dân cư K.J.L.I.H.G Mỹ Phước 3	2.805.756.535	1.843.922.249	(1.980.297.255)	(49.201.090)	2.620.180.439
- Hạng mục đầu tư hạ tầng mạng Viễn thông Mỹ Phước 4	123.456.926	2.450.891.234	-	(30.237.959)	2.544.110.201
- Hạng mục thi công hệ thống viễn thông KCN VSIP 2 Mạo rộng	-	71.043.613	-	(34.890.684)	36.152.929

111

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

VNNT

112

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

 Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối năm
- <i>Hạng mục xây dựng phòng giao dịch Nghệ An</i>	4.366.448.763	306.684.688	(3.928.669.751)	(75.107.751)	669.355.949
- <i>Hạng mục đầu tư hạ tầng mạng viễn thông khu công nghiệp kết nối các khu dân cư</i>	3.307.076.884	613.737.000	(3.920.813.884)	-	-
- <i>Hạng mục đầu tư hệ thống nguồn UPS, hệ thống đường ống lạnh, ngăn phòng VIP khu vực DC</i>	2.739.022.159	34.256.114	(2.773.278.273)	-	-
- <i>Hạng mục cải tạo hệ thống điện DC VNTT</i>	2.297.264.000	13.824.031.746	-	-	16.121.295.746
- <i>Hạng mục cải tạo và bổ sung hạ tầng viễn thông Mỹ Phước 1</i>	-	451.358.997	(268.639.645)	(34.959.128)	147.760.224
- <i>Hạng mục thi công Hạ tầng Viễn thông khu Dân cư Bầu Bàng</i>	-	982.927.592	-	-	982.927.592
- <i>Hạng mục đầu tư thiết bị Data Center VNTT</i>	713.116.818	6.399.590.181	(6.559.278.999)	(553.428.000)	-
- <i>Các công trình khác</i>	10.711.460.716	19.298.356.206	(14.854.576.529)	(2.302.287.733)	12.852.952.660
Cộng	29.747.915.968	48.986.887.937	(35.928.395.503)	(3.658.262.345)	39.148.146.057

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại
12a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến lãi/lỗ các giao dịch nội bộ trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	410.020.172	-
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(94.328.232)	-
Bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(315.691.940)	410.020.172
Số cuối năm	-	410.020.172

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

12b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến lỗ tính thuế của Công ty TNHH Giải pháp VNTT với số tiền là 5.990.132.269 VND. Chi tiết lỗ tính thuế chưa ghi nhận tài sản thuế hoãn lại như sau:

Năm 2021	810.826.006
Năm 2022	5.179.306.263
Cộng	5.990.132.269

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	1.002.557.670	6.002.224.313
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	393.379.500	2.989.835.552
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	194.350.006	2.266.266.800
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	-	390.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

 Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	-	104.706.000
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore	243.001.388	99.559.141
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước	-	58.366.942
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex	25.613.177	33.599.680
Công ty TNHH Becamex Tokyu	12.403.561	16.123.662
Công ty Cổ phần SetiaBecamex	8.174.350	4.299.757
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	9.035.688	10.316.779
Công ty TNHH MTV Aspire	116.600.000	29.150.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	16.228.485.007	32.351.942.492
Công ty Cổ phần Cấp điện Thịnh Phát	25.410.000	15.659.520.407
Trung tâm Kinh doanh VNPT – Bình Dương – Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông	2.618.100.766	1.071.422.831
Công ty Cổ phần Truyền thông Số 1	2.272.772.480	-
Các nhà cung cấp khác	11.312.201.761	15.620.999.254
Cộng	17.231.042.677	38.354.166.805

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	242.625.000	103.625.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	72.625.000	72.625.000
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định	-	31.000.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	170.000.000	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	4.585.520.109	7.455.094.642
Văn phòng Điều hành NTT Vietnam Corporation tại Bình Dương	2.264.439.676	3.980.155.850
Các khách hàng khác	2.321.080.433	3.474.938.792
Cộng	4.828.145.109	7.558.719.642

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	835.209.402	455.975.584	14.308.413.221	(11.687.369.203)	3.517.454.775	517.176.939
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.285.170.442	-	8.258.314.542	(7.755.792.302)	2.787.692.682	-
Thuế thu nhập cá nhân	248.804.006	-	1.851.279.724	(1.800.546.428)	299.537.302	-
Các loại thuế khác	-	-	12.000.000	(12.000.000)	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	253.738.000	(253.738.000)	-	-
Cộng	3.369.183.850	455.975.584	24.683.745.487	(21.509.445.933)	6.604.684.759	517.176.939

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Phần mềm tin học	Không chịu thuế
- Hàng hóa và dịch vụ khác	
- Từ ngày 01/01/2022 đến 31/01/2022	10%
- Từ ngày 01/02/2022 đến 31/12/2022 áp dụng theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ hàng hóa dịch vụ có các loại thuế suất khác nhau	08% hoặc 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty TNHH Giải pháp VNNT phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 10% trong 15 năm đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực sản xuất phần mềm. Công ty được miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực sản xuất phần mềm theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm tại các công ty trong Tập đoàn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	8.258.314.542	7.049.655.474
Công ty TNHH Giải pháp VNNT	-	-
Cộng	8.258.314.542	7.049.655.474

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 và tiền thưởng còn phải trả cho người lao động.

17. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công trình	1.346.681.723	7.205.670.014
Chi phí lãi vay	12.592.409	455.218.866
Chi phí doanh thu phân chia phải trả	4.367.476.682	4.002.357.160
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	831.393.000	314.201.613
Cộng	6.558.143.814	11.977.447.653

18. Doanh thu chưa thực hiện

Khoản tiền cho thuê kênh nhận trước.



TOTRINH23040168

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Phải trả khác

19a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	500.000.000	700.040.000
Thương ban điều hành	500.000.000	700.040.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	10.196.069.897	10.398.947.907
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	371.108.500	559.019.150
Cổ tức phải trả	7.761.123.300	7.039.510.100
Văn phòng điều hành NTT Vietnam Corporation tại Bình Dương - Doanh thu phân chia theo hợp đồng hợp tác phải trả	1.710.688.642	2.528.438.415
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	353.149.455	271.980.242
Cộng	10.696.069.897	11.098.987.907

19b. Phải trả dài hạn khác

Các khoản nhận ký quỹ dài hạn.

19c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

20. Vay

20a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng (*)	-	64.624.995.879
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	3.000.000.000	67.624.995.879

(*) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng một số máy móc thiết bị (xem thuyết minh số V.9).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết phát sinh của khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	67.624.995.879	49.744.031.988
Số tiền vay phát sinh	28.755.687.215	187.473.039.466
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	3.000.000.000	3.000.000.000
Số tiền vay đã trả	(96.380.683.094)	(172.592.075.575)
Số cuối năm	3.000.000.000	67.624.995.879

20b. Vay dài hạn

Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương nhằm thực hiện dự án "Trang bị các thiết bị phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ Viễn thông Công nghệ thông tin giai đoạn 2019 - 2025", thời hạn vay 84 tháng theo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh vào các ngày 01/03 và 01/09. Khoản vay này được đảm bảo bằng một số máy móc thiết bị (xem thuyết minh số V.9).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	3.000.000.000	3.000.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	6.676.271.500	9.676.271.500
Cộng	9.676.271.500	12.676.271.500

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	9.676.271.500	12.676.271.500
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Số cuối năm	6.676.271.500	9.676.271.500

20c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

21. Dự phòng phải trả
21a. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến bảo hành công trình. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.498.615.598	1.836.131.940
Tăng do trích lập	2.051.272.547	992.170.414
Hoàn nhập dự phòng	(1.498.615.598)	(1.836.131.940)
Kết chuyển từ dự phòng phải trả dài hạn	192.647.650	506.445.184
Số cuối năm	2.243.920.197	1.498.615.598

21b. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến bảo hành công trình. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	237.224.284	644.941.344
Tăng do trích lập	346.338.001	192.647.650
Hoàn nhập dự phòng	-	(93.919.526)
Kết chuyển sang dự phòng phải trả ngắn hạn	(192.647.650)	(506.445.184)
Số cuối năm	390.914.635	237.224.284

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Tập đoàn chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.482.803.623	1.268.588.405
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	1.798.041.730	4.815.317.573
Chi quỹ	(1.473.893.540)	(4.601.102.355)
Số cuối năm	1.806.951.813	1.482.803.623

23. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	1.416.906.931	-
Bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(315.691.940)	-
Số cuối năm	1.101.214.991	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24. Vốn chủ sở hữu
24a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021, Hội đồng quản trị đã thông qua các Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 5 năm 2021, số 14/2021/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 12 năm 2021 và số 02/2022/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 02 năm 2022 về phương án chào bán bổ sung 12.242.500 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu tại ngày chốt quyền để tăng vốn điều lệ từ 244.850.000.000 VND lên 367.275.000.000 VND.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 06 liên quan đến việc tăng vốn điều lệ này.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 185/2016/GCNCVSD-1 thay đổi lần thứ 01 của Trung tâm lưu ký chứng khoán – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh liên quan đến việc đăng ký bổ sung 12.242.500 cổ phiếu phát hành thêm. Ngày 27 tháng 4 năm 2022, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đã ra Thông báo số 1504/TB-SGDHN về việc đăng ký giao dịch bổ sung đối với lượng cổ phiếu phát hành thêm này.

24b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	178.446.000.000	118.964.000.000
Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam	20.000.000.000	20.000.000.000
Các cổ đông khác	168.829.000.000	105.886.000.000
Cộng	367.275.000.000	244.850.000.000

24c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.727.500	24.485.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	36.727.500	24.485.000
- Cổ phiếu phổ thông	36.727.500	24.485.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.727.500	24.485.000
- Cổ phiếu phổ thông	36.727.500	24.485.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

24d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 như sau:

	Số tiền (VND)
• Chia cổ tức cho các cổ đông	22.036.500.000
• Chia cổ tức năm 2012, năm 2013 cho các cổ đông	929.772.200
• Trích Quỹ đầu tư phát triển	1.284.315.521
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.798.041.730
• Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	500.000.000
• Thương ban điều hành	500.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**25a. Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	174.900.000	699.600.000
Trên 01 năm đến 05 năm	-	174.900.000
Cộng	174.900.000	874.500.000

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên thể hiện tiền thuê văn phòng dưới hình thức thuê hoạt động với giá thuê 58.300.000VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn thuê đến ngày 31 tháng 3 năm 2023.

25b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 17.369,7 USD (số đầu năm là 1.541,99 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	25.454.001.643	18.320.768.895
Doanh thu cung cấp dịch vụ	208.104.728.685	184.294.599.134
Doanh thu hợp đồng xây dựng	137.375.410.757	79.597.039.228
Doanh thu bất động sản	17.014.008.966	15.949.908.950
Cộng	387.948.150.051	298.162.316.207

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP		
Bán thiết bị	12.565.292.709	10.803.022.100
Cung cấp dịch vụ	5.889.069.445	4.977.585.680
Xây dựng công trình	42.466.170.561	23.955.958.021
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước		
Bán thiết bị	2.177.490.000	10.400.000
Cung cấp dịch vụ	53.250.000	74.996.667
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương		
Bán thiết bị	-	218.837.600
Cung cấp dịch vụ	155.000.000	1.254.595.519
Xây dựng công trình	84.859.803	5.114.284.800
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị		
Cung cấp dịch vụ	2.400.000	26.691.285
Xây dựng công trình	21.424.557	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật		
Bán thiết bị	-	1.333.865.000
Cung cấp dịch vụ	570.741.300	879.497.762
Xây dựng công trình	550.282.064	5.547.566.364
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương		
Bán hàng hóa	-	674.753.000
Cung cấp dịch vụ	106.410.000	827.708.110
Xây dựng công trình	82.751.126	37.800.000
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông		
Bán hàng hóa	-	63.700.000
Cung cấp dịch vụ	1.242.064.000	592.168.954
Xây dựng công trình	466.789.793	155.382.000
Công ty Cổ phần Dược Enlie		
Cung cấp dịch vụ	-	16.950.000
Công ty TNHH Becamex Tokyu		
Bán hàng hóa	-	15.352.726
Cung cấp dịch vụ	5.740.000	497.414.402
Xây dựng công trình	401.916.154	55.846.000
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương		
Cung cấp dịch vụ	75.000.000	212.172.278
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex		
Bán hàng hóa	966.575.000	122.227.000
Cung cấp dịch vụ	162.965.020	1.376.677.747
Xây dựng công trình	620.145.000	141.177.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex		
Bán hàng hóa	-	3.400.000
Cung cấp dịch vụ	438.423.389	90.445.734
Xây dựng công trình	43.500.000	287.494.000
Công ty Cổ phần SetiaBecamex		
Xây dựng công trình	12.215.021.700	13.473.871.400
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore		
Bán hàng hóa	47.150.000	11.580.000
Cung cấp dịch vụ	129.410.894	212.718.325
Xây dựng công trình	6.519.526.296	10.757.885.022
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước		
Bán hàng hóa	106.150.000	1.397.741.000
Cung cấp dịch vụ	756.864.301	404.789.032
Xây dựng công trình	3.354.041.962	4.510.308.750
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định		
Cung cấp dịch vụ	7.190.000	27.750.000
Bán thiết bị	208.856.667	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	24.879.278.430	17.003.167.932
Giá vốn cung cấp dịch vụ	146.807.661.996	125.832.542.360
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	123.972.219.661	74.663.393.667
Giá vốn của kinh doanh bất động sản	10.115.032.536	11.487.390.556
Cộng	305.774.192.623	228.986.494.515

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.690.274.088	318.410.956
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	76.691.948	23.234.423
Lãi cho vay	-	2.595.321.917
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	40.573.769	2.129.291
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	17.015.951	3.767.128
Cộng	1.824.555.756	2.942.863.715

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.068.478.726	4.821.173.263
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	7.766.064	25.878.653
Chi phí tài chính khác	2.289.130	136.935
Cộng	2.078.533.920	4.847.188.851

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	11.702.082.569	9.271.040.047
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	40.464.866	51.562.486
Chi phí khấu hao	27.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	144.841.773	183.226.397
Chi phí khác	3.201.952.420	2.525.638.987
Cộng	15.116.341.628	12.031.467.917

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	13.591.659.241	13.602.221.315
Chi phí vật liệu quản lý	652.045.357	370.410.401
Chi phí đồ dùng văn phòng	417.671.441	516.507.879
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.497.374.095	1.639.953.455
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(295.383.196)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.139.123.407	7.446.036.459
Chi phí khác	4.047.161.646	3.263.328.989
Cộng	26.049.651.991	26.838.458.498

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	67.441.653	-
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	1.498.615.598	1.930.051.466
Thu nhập khác	1.012.633.280	2.047.589.675
Cộng	2.578.690.531	3.977.641.141

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	94.328.232	(410.020.172)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	1.416.906.931	-
Cộng	1.511.235.163	(410.020.172)

9. Lãi trên cổ phiếu**9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty mẹ	33.553.632.321	25.686.310.422
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.684.290.586)	(1.798.041.730)
Trích thường Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát	(1.400.000.000)	(1.000.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	29.469.341.735	22.888.268.692
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	34.513.788	24.485.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	854	935

9b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số thực tế trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và trích thường Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước tăng từ 924 VND lên 935 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	91.900.641.045	89.255.887.117
Chi phí nhân công	66.580.477.846	62.877.285.595
Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.191.216.425	33.910.158.159
Chi phí dịch vụ mua ngoài	81.130.866.432	74.933.019.978
Chi phí khác	22.497.924.859	20.197.434.450
Cộng	300.301.126.607	281.173.785.299

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn có công nợ phải trả mua sắm tài sản cố định trị giá 945.531.242 VND (số đầu năm là 3.110.750.677 VND).

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC
1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	12.372.097.860	5.085.608.860
Trên 01 năm đến 05 năm	14.664.375.000	19.063.461.540
Cộng	27.036.472.860	24.149.070.400

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày ở các thuyết minh số V.5a và V.19a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát

	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay				
Ông Giang Quốc Dũng - Chủ tịch Hội đồng quản trị	80.000.000	86.398.370	115.000.000	281.398.370
Ông Phạm Tuấn Anh - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	-	-	30.000.000	30.000.000
Bà Võ Thị Thanh Hương - Thành viên tịch Hội đồng quản trị	-	-	105.000.000	105.000.000
Ông Quảng Văn Viết Cương - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	95.000.000	95.000.000
Ông Nguyễn Bá Thước - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	95.000.000	95.000.000
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Trưởng Ban kiểm soát	-	-	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Hải Hoàng - Kiểm soát viên	-	-	20.000.000	20.000.000
Ông Lê Đức Thịnh - Kiểm soát viên	-	-	20.000.000	20.000.000
Các thành viên khác	1.302.602.174	725.280.850	160.000.000	2.187.883.024
Cộng	1.382.602.174	811.679.220	700.000.000	2.894.281.394

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm trước				
Ông Huỳnh Quang Hải - Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	-	115.000.000	115.000.000
Bà Võ Thị Thanh Hương - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	-	105.000.000	105.000.000
Ông Giang Quốc Dũng - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	240.000.000	164.498.431	105.000.000	509.498.431
Ông Quảng Văn Viết Cương - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	95.000.000	95.000.000
Bà Nguyễn Bá Thước - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	95.000.000	95.000.000
Ông Đặng Thanh Hưng - Trưởng Ban Kiểm soát	-	-	65.000.000	65.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân - Thành viên Ban kiểm soát	-	-	40.000.000	40.000.000
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Thành viên Ban kiểm soát	-	-	40.000.000	40.000.000
Các thành viên khác	1.196.965.000	673.213.789	-	1.870.178.789
Cộng	1.436.965.000	837.712.220	660.000.000	2.934.677.220

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Dược Enlie	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH Becamex Tokyu	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần SetiaBecamex	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH Aspire	Công ty con của Trường Đại học Quốc tế Miền Đông

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ đã được trình bày ở thuyết minh VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh thêm giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP		
Chia cổ tức	10.706.760.000	14.275.680.000
Phí quản lý và duy tu cơ sở hạ tầng	28.174.413	30.742.283
Lãi cho vay	-	2.595.321.917

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước		
Phí dịch vụ	234.890.000	344.764.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương		
Mua nguyên vật liệu	214.536.876	352.085.918
Cổ tức được chia	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật		
Phí dịch vụ	311.997.678	818.182
Doanh thu phân chia dịch vụ	299.255.742	-
Chi phí thuê nhà	12.741.936	-
Cổ tức được chia	1.020.000.000	-
Công ty TNHH Becamex Tokyu		
Tiền điện và tiền thuê phòng phải trả	145.120.731	191.159.431
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông		
Phí dịch vụ	48.997.836	323.854.647
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex		
Phí dịch vụ	14.708.933	92.240.427
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex		
Mua hàng hóa, dịch vụ	428.374.842	377.306.031
Công ty Cổ phần SetiaBecamex		
Phí dịch vụ	41.401.407	20.895.334
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore		
Phí dịch vụ	2.578.373.973	2.699.067.305
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương		
Nhận chuyển nhượng bất động sản	-	1.818.181.818
Trả lại bất động sản	(1.818.181.818)	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước		
Phí dịch vụ	-	256.877.570
Ký quỹ dài hạn	10.000.000	-
Công ty Cổ phần Becames Bình Định		
Ký quỹ dài hạn	51.000.000	-
Công ty TNHH MTV Aspire		
Phí dịch vụ	699.600.000	116.600.000

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.13 và V.14.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Cung cấp dịch vụ.
- Lĩnh vực 02: Xây dựng công trình.
- Lĩnh vực 03: Kinh doanh bất động sản.
- Lĩnh vực 04: Các lĩnh vực khác (bán hàng hóa)

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Bình Dương, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Vi Ngọc Đại
Người lập biểu

Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng

Phạm Tuấn Anh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	244.850.000.000	-	23.814.527.751	439.285.060	51.623.294.767	320.727.107.578
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	25.686.310.422	25.686.310.422
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	14.445.952.718	-	(19.261.270.291)	(4.815.317.573)
Chia cổ tức, lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	(29.513.312.000)	(29.513.312.000)
Thù lao Hội đồng quản trị, thường Ban điều hành	-	-	-	-	(1.400.000.000)	(1.400.000.000)
Số dư cuối năm trước	244.850.000.000	-	38.260.480.469	439.285.060	27.135.022.898	310.684.788.427
Số dư đầu năm nay	244.850.000.000	-	38.260.480.469	439.285.060	27.135.022.898	310.684.788.427
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	122.425.000.000	-	-	-	-	122.425.000.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	(382.600.000)	-	-	33.553.632.321	33.171.032.321
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	1.284.315.521	-	(3.082.357.251)	(1.798.041.730)
Chia cổ tức, lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	(22.966.272.200)	(22.966.272.200)
Thù lao Hội đồng quản trị, thường Ban điều hành	-	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Số dư cuối năm nay	367.275.000.000	(382.600.000)	39.544.795.990	439.285.060	33.640.025.768	440.516.506.818

(Signature)

Vi Ngọc Đại
 Người lập

Nguyễn Văn Phúc
 Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 30 tháng 3 năm 2023



Phạm Tuấn Anh
 Tổng Giám đốc

(Vertical stamp/seal)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Lĩnh vực xây dựng công trình			Lĩnh vực kinh doanh bất động sản		Các lĩnh vực khác		Cộng
	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	Lĩnh vực xây dựng công trình	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các lĩnh vực khác	Cộng		
Năm nay	208.104.728.685	208.104.728.685	137.375.410.757	17.014.008.966	25.454.001.643	387.948.150.051		
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài								
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận								
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	208.104.728.685	208.104.728.685	137.375.410.757	17.014.008.966	25.454.001.643	387.948.150.051		
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	61.297.066.689	61.297.066.689	13.403.191.096	6.898.976.430	574.723.213	82.173.957.428		
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(41.165.993.619)		
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						41.007.963.809		
Doanh thu hoạt động tài chính						1.824.555.756		
Chi phí tài chính						(2.078.533.920)		
Thu nhập khác						2.578.690.531		
Chi phí khác						(9.494.150)		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(8.258.314.542)		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						(1.511.235.163)		
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						33.553.632.321		
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	23.959.999.823	23.959.999.823	15.877.943.672	1.966.490.760	2.941.990.870	44.746.425.125		
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	22.633.733.847	22.633.733.847	15.260.343.371	1.890.000.674	2.827.557.007	42.611.634.900		
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	898.994.950	-	-	898.994.950		

(Vertical stamp/seal)



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BAO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Năm trước	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	Lĩnh vực xây dựng công trình	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các lĩnh vực khác	Cộng
	184.294.599.134	79.597.039.228	15.949.908.950	18.320.768.895	298.162.316.207
	<u>184.294.599.134</u>	<u>79.597.039.228</u>	<u>15.949.908.950</u>	<u>18.320.768.895</u>	<u>298.162.316.207</u>
	58.462.056.774	4.933.645.561	4.462.518.394	1.317.600.963	69.175.821.692
				(38.869.926.415)	(38.869.926.415)
				30.305.895.277	30.305.895.277
				2.942.863.715	2.942.863.715
				(4.847.188.851)	(4.847.188.851)
				3.977.641.141	3.977.641.141
				(53.265.558)	(53.265.558)
				(7.049.655.474)	(7.049.655.474)
				410.020.172	410.020.172
				<u>25.686.310.422</u>	<u>25.686.310.422</u>

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

18.761.815.080 9.671.255.829 7.580.722.931 1.826.176.002 37.839.969.842

Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

17.001.836.605 8.190.302.675 6.419.891.729 1.546.534.851 33.158.565.860

Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)

443.128.625 (542.742.965) - - (99.614.340)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BAO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Số cuối năm	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	Lĩnh vực xây dựng công trình	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các lĩnh vực khác	Cộng
	90.827.885.029	53.140.952.215	43.642.142.459	-	187.610.979.703
	-	-	-	-	340.810.398.438
					<u>528.421.378.141</u>
	23.410.064.739	3.981.516.555	-	-	27.391.581.294
	-	-	-	-	-
					<u>60.513.290.029</u>
					<u>87.904.871.323</u>
	83.048.265.108	86.730.938.614	53.486.471.125	23.719.895	223.289.394.742
	-	-	-	-	263.466.132.911
					<u>486.755.527.653</u>
	14.657.117.079	5.715.995.732	800.000.000	-	21.173.112.811
	-	-	-	-	-
					<u>154.897.626.415</u>
					<u>176.070.739.226</u>

Vi Ngọc Đại
Người lậpNguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởngPhạm Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 30 tháng 3 năm 2023



(Handwritten signature)



TOTRINH23040168

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Ngày 19 tháng 04 năm 2023
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

